



CÔNG TY CỔ PHẦN
HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

“ ĐỒNG HÀNH
CÙNG PHÁT TRIỂN
KINH TẾ ”

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2023

MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị	04
Tâm nhìn - Sứ mệnh	06

1

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

Thông tin chung	10
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	18
Mô hình quản trị, bộ máy quản lý	22
Định hướng phát triển	25
Các rủi ro	30

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	36
Tổ chức và nhân sự	39
Tình hình đầu tư	54
Tình hình tài chính	55
Cơ cấu cổ đông	57
Báo cáo phát triển bền vững	58

3

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	66
Đánh giá tình hình tài chính	68
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức	70
Kế hoạch phát triển trong tương lai	72

4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá về các mặt hoạt động Công ty	78
Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	80
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	81

5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động của Hội đồng quản trị	84
Ban Kiểm soát	94
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành	97

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng cân đối kế toán hợp nhất	108
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	110
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	111
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	113



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông, Quý Khách hàng, Đối tác và toàn thể CBCNV!

Một năm qua đi với sự chứng kiến những bước đi chậm lại của nền kinh tế toàn cầu. Có thể nói rằng năm 2023 là một năm đầy thử thách nữa đối với chúng ta. Tình hình xung đột địa chính trị, tình hình lạm phát cũng như lãi suất biến động trong năm đã tạo ra một môi trường kinh doanh đầy thử thách. Với bản lĩnh, trí tuệ và kinh nghiệm, Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam đã thể hiện khả năng khắc phục và thích ứng hợp lý dựa trên các nguồn lực sẵn có và vượt qua khó khăn để duy trì và phát triển tích cực hoạt động kinh doanh của mình.

Sau hơn 45 năm nỗ lực phát triển không ngừng, Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam nay mang trong mình tầm vóc quốc gia, tự hào hiện thực hóa sứ mệnh **“Đồng hành cùng phát triển kinh tế”** nhờ những nỗ lực không ngừng của toàn thể CBCNV Công ty. Bên cạnh những định hướng giải pháp phù hợp,

linh hoạt, đảm bảo an toàn lao động và mở rộng thị trường, Ban Lãnh đạo Công ty đã đặt vấn đề **Chuyển đổi số và Văn hóa doanh nghiệp** thành trọng tâm của công tác quản trị trong năm 2023 và thời gian sắp tới, nhằm tạo hiệu ứng đột phá trong hoạt động sản xuất kinh doanh và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

Thay mặt Ban Lãnh đạo Công ty, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng, hợp tác của Quý Cổ đông, Quý Đối tác/Khách hàng trong thời gian qua và chào đón các cơ hội hợp tác trong chặng đường sắp tới. Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam cam kết luôn nỗ lực đem lại giá trị gia tăng cho Quý Cổ đông, Quý Đối tác/Khách hàng, cùng nhau đóng góp vào công cuộc phát triển đất nước và cộng đồng.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Dũng

**“ ĐỒNG HÀNH
CÙNG PHÁT TRIỂN
KINH TẾ ”**

TÂM NHÌN, SỨ MỆNH GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TÂM NHÌN

Xây dựng sản phẩm mang thương hiệu Hóa chất Cơ bản Miền Nam hướng đến sản xuất an toàn, thân thiện môi trường và giữ gìn nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá.



SỨ MỆNH

Không ngừng phát triển và sản xuất nhiều loại sản phẩm hóa chất đa dạng, đem lại lợi ích thiết thực cho xã hội và cộng đồng.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Phát triển sản xuất - đầu tư kinh doanh bền vững, có chọn lọc, đảm bảo hiệu quả. Đảm bảo chữ tín đối với khách hàng. Đảm bảo môi trường làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo, đáp ứng đời sống cho người lao động.
Uy tín - Công nghệ - An toàn.



TRIẾT LÝ KINH DOANH

Sự hài lòng của Quý khách hàng là thành công của Công ty.





GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Thông tin chung	10
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	18
Mô hình quản trị, bộ máy quản lý	22
Định hướng phát triển	25
Các rủi ro	30

NHÀ MÁY HÓA CHẤT TAN BÌNH 2
CHI NHÁNH CTCP HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM
 8C ĐƯỜNG LẠCH GIANG, P. AN THỚI, TP. BÌNH HÒA ĐT: (847) 8626.527 - 8626.628

“*Đồng hành cùng phát triển kinh tế*”

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Tên Tiếng Anh	SOUTH BASIC CHEMICALS JOINT STOCK COMPANY	Trụ sở chính	Số 22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Tên viết tắt	Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Điện thoại	(028) 3829 6620 - 3822 5373
Mã cổ phiếu	CSV	Fax	(028) 3824 3166
Sàn niêm yết	HOSE	Website	www.sochemvn.com
Vốn điều lệ	442.000.000.000 đồng	Giấy CN ĐKDN số	0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/09/2003, cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 14/10/2019
Logo công ty			

KHỞI ĐẦU

- Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam được thành lập vào ngày 21/07/1976 theo Quyết định số 240/HC của Tổng cục Hóa chất bao gồm 04 đơn vị trực thuộc là Nhà máy Hóa chất Biên Hòa (VICACO), Nhà máy Hóa chất Tân Bình (COPHATA), Nhà máy Hóa chất Đồng Nai và Nhà máy Hóa chất Thủ Đức.
- Để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu sản xuất và mở rộng phát triển, Công ty đã thành lập thêm một số đơn vị như Mô Bô-xít Bảo Lộc, Xưởng Nghiên cứu Thực nghiệm và Xưởng Cơ điện.



1986 - 2003

- Trong giai đoạn nền kinh tế Việt Nam bắt đầu xu thế đổi mới, mở cửa hội nhập với nền kinh tế thị trường, Công ty là một trong những Công ty nhà nước đã được phép chuyển đổi sang hình thức hoạt động Công ty TNHH một thành viên. Ngày 24/9/2003, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã cấp giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu tiên cho Công ty với tên gọi chính thức là Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam.

CHUYỂN MÌNH

HOÀN THIỆN

- Công ty không ngừng phấn đấu và đổi mới nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường, đồng thời mở rộng, phát triển sản xuất. Công ty đã thành lập thêm các đơn vị gồm Nhà máy Phốt pho Việt Nam (2004); Nhà máy thay đổi hình thức hoạt động sang Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam từ năm 2010, trong đó Công ty nắm giữ 65,05% cổ phần và Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 (2009).
- Ngày 20/08/2012, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam ban hành quyết định số 243/QĐ-HCVN về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam lấy thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 0 giờ ngày 01/10/2012.
- Ngày 28/7/2013, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam ký quyết định số 248/QĐ-HCVN về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam thành Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
- Ngày 12/12/2013, Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam được tiến hành.

2004 - 2013



2014 - Nay

- Ngày 02/01/2014, Công ty chính thức hoạt động với tên gọi Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam. Từ sau cổ phần hoá, Công ty bước vào giai đoạn phát triển ổn định. Đây là thời gian Công ty nhanh chóng đẩy mạnh đầu tư máy móc thiết bị mới, mở rộng nhà máy nhằm chuẩn bị cho giai đoạn phát triển tiếp theo khi kinh tế đất nước hội nhập sâu rộng, phát huy hết công suất đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Đến nay, Công ty đã trải qua 10 lần đăng ký thay đổi, vốn điều lệ ban đầu là 61 tỷ đồng tăng lên 442 tỷ đồng (năm 2014). Năm 2023, Công ty đã nghiên cứu và cho ra đời sản phẩm mới là Poly Aluminium Chloride – PAC 31% HB (Al₂O₃+Fe) Bột sử dụng trong công nghệ sản xuất giấy, xử lý nước thải,...

ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN



2000

Huân chương lao động hạng 3



2004

Huân chương lao động hạng 2



2016

Huân chương lao động hạng 1



1995

Bảng khen của Liên đoàn Lao động Việt Nam



2006

Bảng khen của Thủ tướng Chính Phủ



2015

Bảng khen của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam



2016

- Bảng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
- Bảng khen của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam



2017

- Bảng khen của Bộ Công thương
- Chứng nhận Doanh nghiệp vì Người lao động



2020

- Bảng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
- Bảng khen của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước





2015

Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ



2018

Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam



2019

Cờ thi đua của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước



2023

- Cờ thi đua của Ủy ban quản lý vốn nhà nước
- Cờ thi đua của Công đoàn Công thương



2020

Cờ thi đua của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam



2021

- Cờ thi đua của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước
- Cờ thi đua của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam



2022

- Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ
- Cờ thi đua của Ủy ban quản lý vốn nhà nước
- Cờ thi đua của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam
- Cờ thi đua của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam



2015

TOP 50 thương hiệu vì môi trường



2016

TOP 10 thương hiệu uy tín ngành Hóa chất Việt Nam năm 2016



2017

Chứng nhận TOP 50 nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam



2021

Tập thể lao động xuất sắc năm 2021 do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam công nhận



2023

- Hạng đồng “Thương hiệu số 1 Việt Nam 2023” do Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Doanh nghiệp Châu Á tổ chức đánh giá, xét chọn
- Top 5 đơn vị có lợi nhuận cao nhất Tập đoàn Hóa chất Việt Nam năm 2023
- Top 5 đơn vị có tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu cao nhất Tập đoàn Hóa chất Việt Nam năm 2023
- Tập thể lao động xuất sắc năm 2023 do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam công nhận



2018

TOP 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam



2019

- Chứng nhận thương hiệu vàng Việt Nam
- Tập thể lao động xuất sắc năm 2019 do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam công nhận



2020

- TOP 329 Doanh nghiệp niêm yết hoàn thành tốt nghĩa vụ công bố thông tin
- Tập thể lao động xuất sắc năm 2020 do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam công nhận



2022

- TOP 42 Doanh nghiệp thuộc nhóm vốn hóa có báo cáo thường niên tốt nhất được bình chọn vào vòng chung khảo
- Top 10 Thương hiệu mạnh ASEAN 2022
- Đạt danh hiệu Sản phẩm – Dịch vụ chất lượng cao ASEAN 2022
- Tập thể lao động xuất sắc năm 2022 do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam công nhận

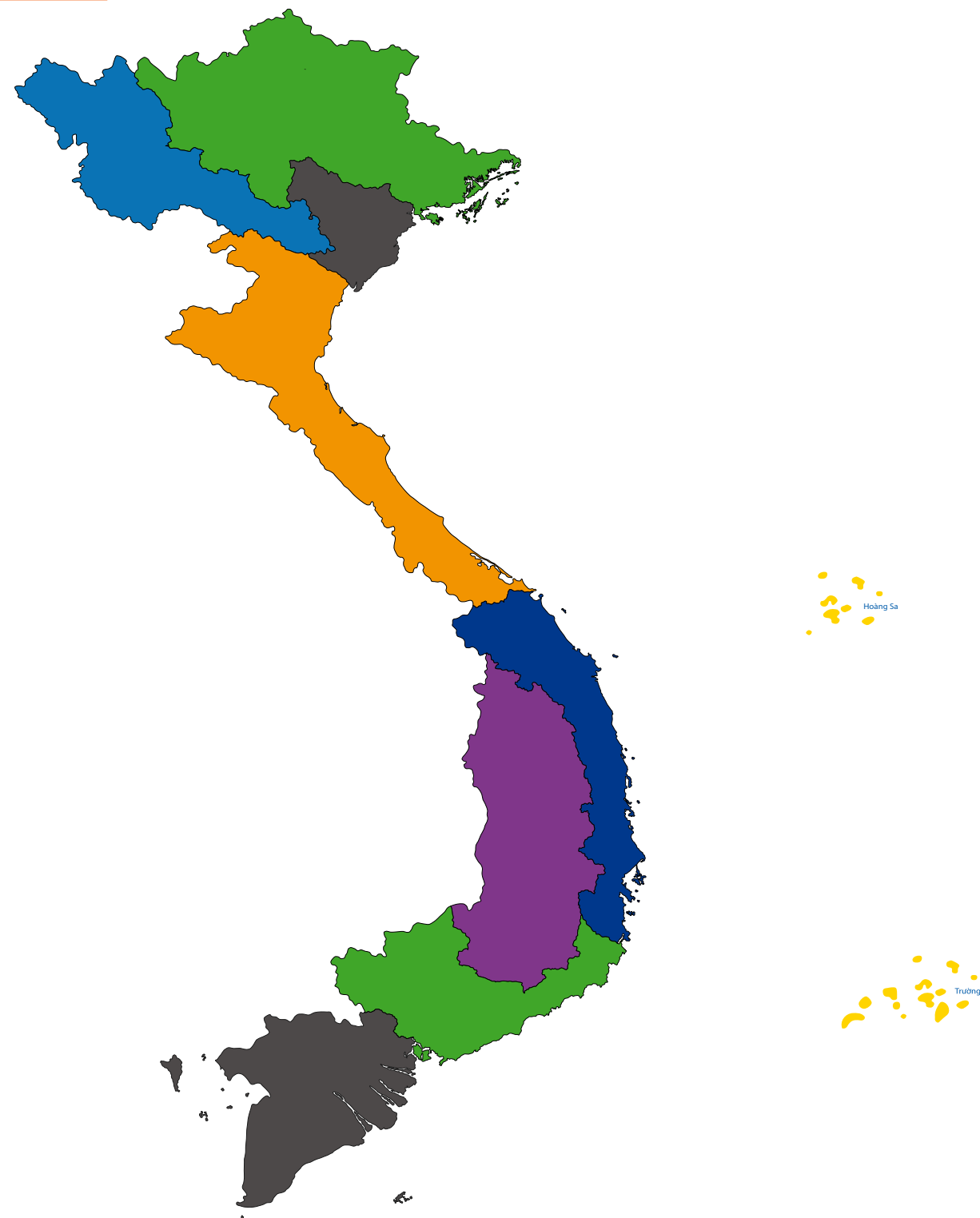


Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất hóa chất cơ bản;
Chi tiết: Sản xuất sản phẩm ngành hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh, không sản xuất hóa chất tại Thành phố Hồ Chí Minh).
- Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Sản xuất hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, sản xuất hóa chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Chế biến các sản phẩm muối dùng trong thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở).
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp; bán buôn hóa chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm.
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh);
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ;
Chi tiết: các hoạt động nghiên cứu thử nghiệm và dịch vụ khác.

Địa bàn kinh doanh

Sản phẩm của Công ty tiêu thụ rộng khắp ở các tỉnh miền Trung – Tây Nguyên đến các tỉnh miền Tây Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh, với đa dạng các loại sản phẩm hóa chất cơ bản. Hiện nay, Công ty đã và đang dần mở rộng thị trường tiêu thụ sang các nước trong khu vực, nhằm củng cố và tăng cường vị thế trên thị trường quốc tế.



**Xút (NaOH)**

Lọc dầu, công nghiệp giấy, dệt, thực phẩm, sản xuất xà phòng và chất tẩy rửa, chế biến quặng nhôm...

**Axit clohydric (HCl)**

Tẩy mạ thép, dệt nhuộm,...

**Clo lỏng (Cl₂)**

Xử lý nước, sản xuất thuốc tẩy,...

**Axit Sunfuric (H₂SO₄)**

Dùng để sản xuất phân bón, phèn nhôm,.... dùng làm chất điện giải trong bình ắc quy, axit chì.

**Phốt pho vàng (P₄)**

Sản xuất H₃PO₄, các muối gốc phốt phát,...

**Javen (NaClO)**

Xử lý nước, công nghiệp giấy, dệt,...

**PAC lỏng**

Xử lý nước, công nghiệp giấy.

**Poly Aluminium Chloride – PAC-F 30% HB Bột/
PAC 31% Bột/ PAC 31% HB (Al₂O₃+Fe) Bột**

Sử dụng trong công nghệ sản xuất giấy, xử lý nước thải,...

Với vai trò là keo tụ hữu hiệu, giúp tăng nhanh quá trình kết tủa các hạt lơ lửng trong dung dịch.

**Axit Phosphoric (H₃PO₄)**

Sử dụng làm nguyên liệu sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia súc, sản xuất đường, dầu ăn, bột ngọt, muối phốt phát thực phẩm, công nghiệp vi sinh và các ngành công nghiệp khác.

**Chế phẩm diệt khuẩn - Chloramine B**

Diệt khuẩn, khử trùng bề mặt.



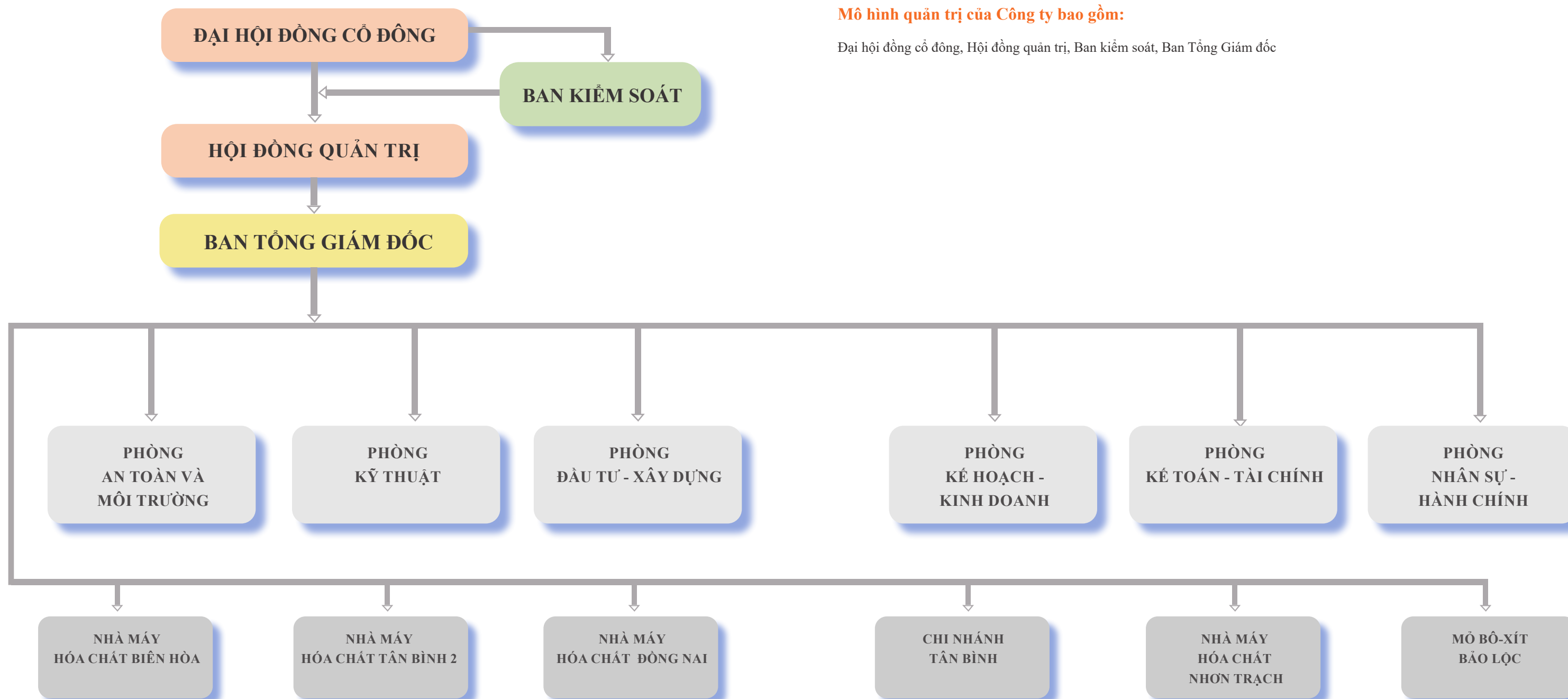


Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam hiện đang hoạt động theo mô hình “Công ty Cổ phần” với cơ cấu tổ chức vận hành hiệu quả cùng bộ máy và nhân sự tinh gọn. Đây cũng là tôn chỉ mà Ban Lãnh đạo Công ty chú trọng ngay từ những ngày đầu thành lập, và xem là yếu tố then chốt, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, gia tăng giá trị thương hiệu, hình ảnh doanh nghiệp, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.



Mô hình quản trị của Công ty bao gồm:

Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc





Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	VĐL thực góp (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam	KCN Tăng Loóng, Thị trấn Tăng Loóng, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai.	Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phốt pho vàng.	39.345,48	65,05%



Đơn vị trực thuộc

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính
1	Nhà máy Hóa chất Biên Hòa	Đường 5, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất Xút – Clo và các chế phẩm liên quan, phục vụ cho nhiều ngành công nghiệp sản xuất. Sản phẩm của Nhà máy cung ứng chủ yếu cho thị trường phía Nam.
2	Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2	Đường 5, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất H ₂ SO ₄ và phèn nhôm. Sản phẩm của nhà máy cung ứng chủ yếu cho thị trường phía Nam.
3	Nhà máy Hóa chất Đồng Nai	Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất H ₃ PO ₄ kỹ thuật, H ₃ PO ₄ thực phẩm và các sản phẩm gốc phốt phát. Sản phẩm của Nhà máy chủ yếu trong các ngành: Tinh luyện đường, sản xuất phân bón vi lượng chất lượng cao, chế biến thức ăn gia súc, sản xuất thực phẩm, mỹ phẩm, nước giải khát, bia...
4	Chi nhánh Tân Bình	139 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.	Kinh doanh các sản phẩm Al(OH) ₃ , H ₂ SO ₄ , Chloramine B. Sản phẩm của Chi nhánh được ứng dụng trong nhiều ngành như: sản xuất bình ắc quy, sản xuất giấy, phân bón, phèn lọc nước, xử lý nước, khử khuẩn v.v...
5	Mô Bô-xít Bảo Lộc	62 Lý Thường Kiệt, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.	Ngưng hoạt động.
6	Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch (*)	KCN Nhơn Trạch 6, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	(*) Công ty đang lập dự án di dời Nhà máy Hóa chất Biên Hòa, Nhà máy Hóa chất Đồng Nai, Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 về Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch.

01

Phát triển Công ty theo định hướng thị trường với nền tảng gắn chuỗi giá trị với hệ sinh thái của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam hướng đến mục tiêu mở rộng thị trường, là một trong những doanh nghiệp sản xuất hóa chất cơ bản hàng đầu Việt Nam.

02

Phát triển Công ty đồng bộ, bền vững, có năng lực cạnh tranh cao, khai phá thị trường - bao phủ toàn quốc, phù hợp với quy hoạch phát triển ngành Công nghiệp hóa chất tại Việt Nam.

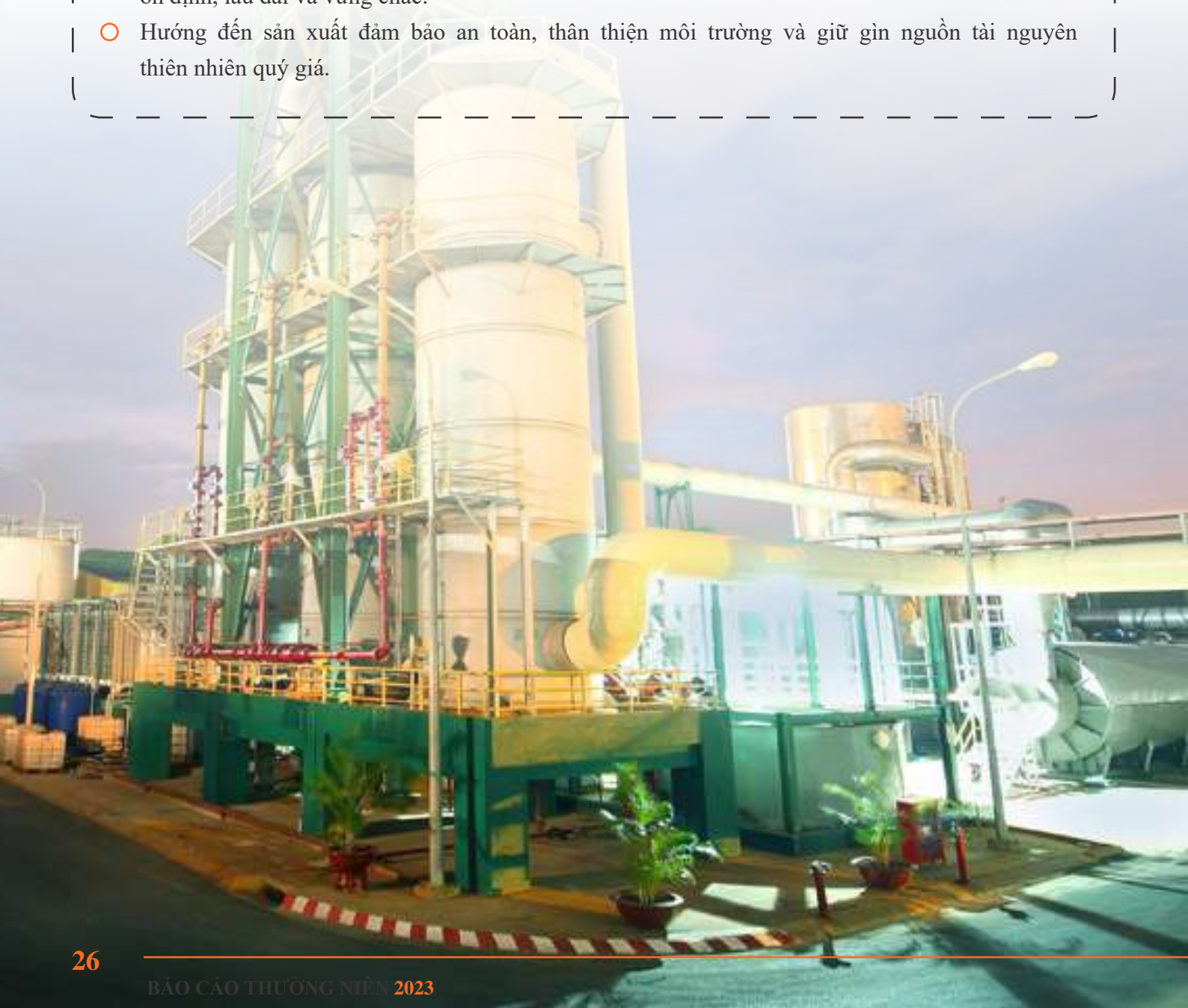
03

Coi con người là yếu tố then chốt, hình thành đội ngũ CBCNV có trình độ cao, trách nhiệm; tác phong chuyên nghiệp, chủ động sáng tạo trong công việc. Xây dựng và phát triển thương hiệu Hóa chất Cơ bản Miền Nam uy tín, chất lượng.



Các mục tiêu chủ yếu để hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững dài hạn của Công ty, bao gồm:

- Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu cải tiến, phát triển và sản xuất nhiều loại sản phẩm hóa chất đa dạng nhằm mở rộng thị trường, giải quyết bài toán cân bằng Xút-Clo, cạnh tranh với các sản phẩm nhập khẩu và của các đơn vị khác, cung cấp sản phẩm chất lượng tốt và đem lại lợi ích thiết thực cho xã hội và cộng đồng.
- Đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, bảo toàn vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Tiếp tục chú trọng công tác đầu tư, sửa chữa, cải tiến dây chuyền máy móc thiết bị nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, tiết kiệm nguyên vật liệu. Tập trung nguồn lực nhằm thực hiện đúng tiến độ dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch, di dời và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động, các dòng sản phẩm khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc.
- Hướng đến sản xuất đảm bảo an toàn, thân thiện môi trường và giữ gìn nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá.



“

“Tăng trưởng ổn định sản xuất kinh doanh trên sản phẩm cốt lõi Xút-Clo”



”

“Duy trì thị trường/khách hàng hiện tại và tìm kiếm/ tiếp cận thị trường/khách hàng mới.”

Chiến lược sản phẩm

- Tập trung nguồn lực cho các sản phẩm kinh doanh cốt lõi, đặc biệt là sản phẩm Xút-Clo với mục tiêu đẩy mạnh tiêu thụ cho các sản phẩm có biên lợi nhuận cao và khả năng cạnh tranh lớn. Các sản phẩm Xút-Clo được cung cấp chủ yếu cho các ngành thép, điện tử, dệt nhuộm, xử lý nước,... là những ngành có tiềm năng tăng trưởng lớn.
- Khác biệt hóa sản phẩm: Tập trung phát huy chất lượng sản phẩm nhằm khác biệt hóa sản phẩm so với các đối thủ cạnh tranh bằng cách nâng cao chất lượng và đăng ký các tiêu chuẩn chất lượng, các chứng nhận, quy cách được quốc tế và Việt Nam công nhận. Công ty đã đăng ký và được cấp chứng nhận cho sản phẩm PAC 17% dùng trong xử lý nước, các hệ thống, dây chuyền sản xuất thực phẩm; chứng nhận NSF cho sản phẩm PAC 10% (nay đổi tên thành PAC 10% HB), sản phẩm PAC 30% HB bột và PAC 31% bột dùng trong xử lý nước uống, đảm bảo an toàn cho sức khỏe con người khi sử dụng, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm, nâng cao uy tín của Công ty và đáp ứng tiêu chuẩn ngày càng cao của người tiêu dùng.
- Phát triển các sản phẩm mới: Phát huy thế mạnh về sự đa dạng sản phẩm, Công ty tiếp tục nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới dựa trên những sản phẩm kinh doanh cốt lõi như NaOH, HCl, PAC, H₂SO₄ với hàm lượng, chất lượng khác nhau nhằm phục vụ nhu cầu đa dạng của khách hàng. Trong năm 2023, Công ty đã đưa ra thị trường sản phẩm PAC-F 30% HB Bột, nghiên cứu thành công và công bố tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm PAC 31% HB (Al₂O₃+Fe) Bột. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã hoàn thiện nghiên cứu sản xuất các sản phẩm H₂SO₄ tinh khiết với các loại nồng độ và tỷ trọng khác nhau.

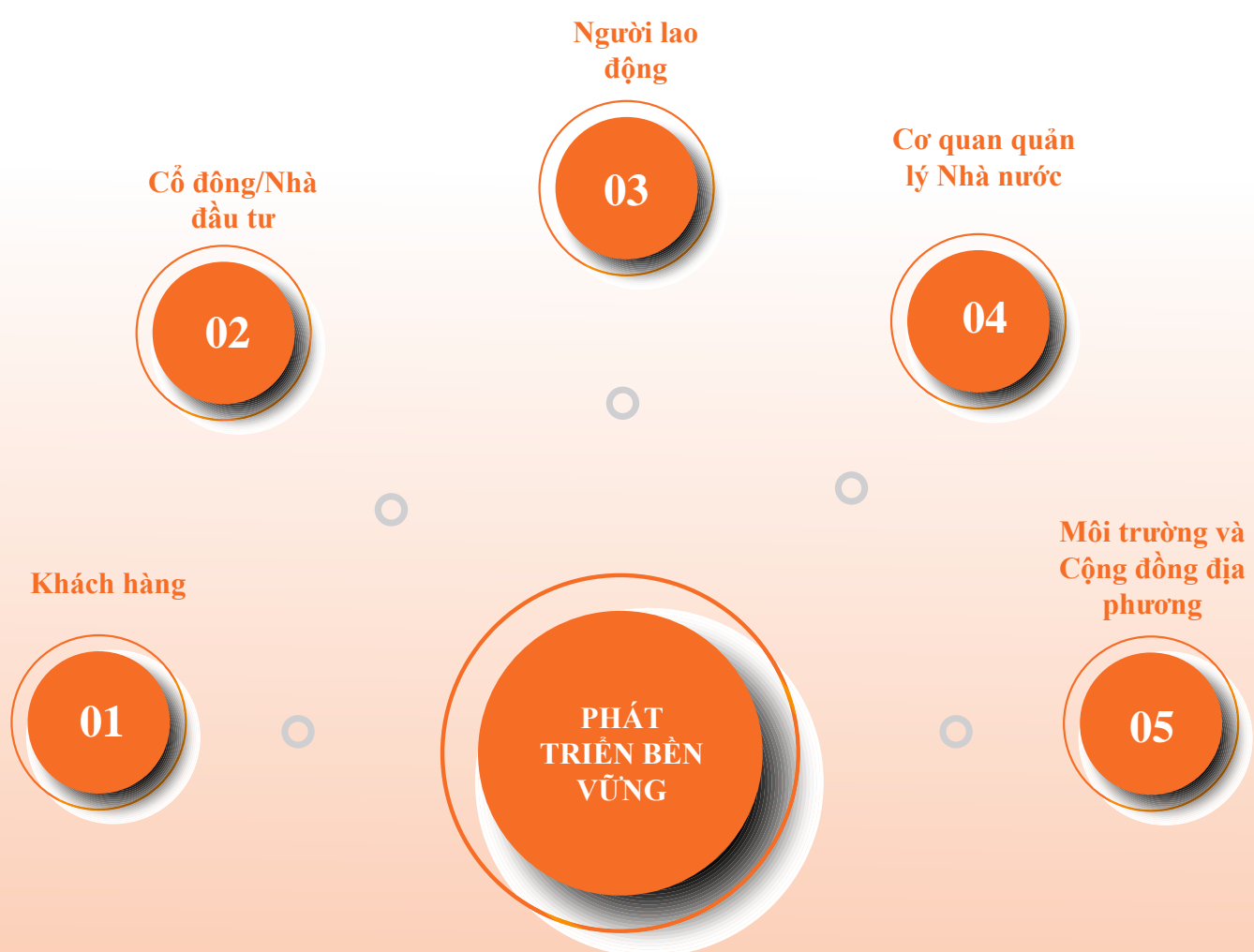
Chiến lược thị trường

- Trong bối cảnh thị trường diễn biến phức tạp do tác động từ các yếu tố vĩ mô, Công ty áp dụng chiến lược giá bán linh hoạt, theo dõi biến động giá hàng ngày nhằm đưa ra mức giá hợp lý nhất cho khách hàng, từ đó giữ vững thị phần và đảm bảo mức doanh thu ổn định.
- Tìm hiểu, nghiên cứu nhu cầu riêng các nhóm khách hàng lớn (nồng độ, tiêu chuẩn kỹ thuật riêng) để sản xuất các dòng sản phẩm đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Cụ thể, các sản phẩm Công ty đã đa dạng hóa nồng độ, tiêu chuẩn kỹ thuật như: NaOH (25%, 32%, 40%, 45%, 50%), HCl (18%, 20%, 22%, 32%, 35%), Javel (40g/l, 100g/l, 120g/l), PAC dạng lỏng (PAC 10% HB, PAC 10%, PAC-F 10% HB, PAC-F 10%, PAC 17% HB, PAC 17%, PAC-F 17% HB, PAC-F 17%), PAC dạng bột (PAC 30% HB, PAC-F 30% HB, PAC 31%, PAC 31% HB), H₂SO₄ tinh khiết (50%, 97%, 98%),...
- Nhằm mở rộng thị trường vào các ngành sản xuất điện tử, Công ty tiếp tục nghiên cứu cải tiến chất lượng cho một số sản phẩm như H₂SO₄, H₃PO₄... đạt tiêu chuẩn điện tử với các yêu cầu cao hơn về các chỉ tiêu kim loại.
- Phát triển kênh bán hàng: Ngoài kênh bán hàng truyền thống (B2B), Công ty đang tập trung nghiên cứu và tìm hiểu các kênh bán hàng mới, bao gồm: kênh bán hàng qua đại lý, kênh thương mại điện tử. Bên cạnh đó, Công ty cũng chủ động tham gia tích cực vào các hoạt động giới thiệu, quảng bá sản phẩm và hình ảnh của Công ty thông qua các chương trình như triển lãm, hội chợ do Cục Hóa chất - Bộ Công Thương và Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tổ chức.



Là Công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất hóa chất cơ bản, Công ty tạo dựng chuỗi cung ứng với các bên liên quan từ đầu vào đến đầu ra và với cộng đồng – xã hội. Đặt trong bối cảnh kinh doanh và chiến lược phát triển dài hạn, Công ty luôn xem các bên liên quan là những đối tác quan trọng bậc nhất và tác động mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên các mặt kinh tế, xã hội và môi trường.

Xác định được điều đó, Công ty đã thường xuyên tham vấn để thu thập thông tin nhằm đáp ứng kỳ vọng của họ, phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. Xác định các bên liên quan dựa vào vai trò và mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan đối với Công ty bao gồm: Khách hàng, Cổ đông/Nhà đầu tư, Người lao động, Cơ quan quản lý Nhà nước, Môi trường và Cộng đồng địa phương.



Đối với khách hàng

- Tiếp tục phát huy triết lý kinh doanh “Sự hài lòng của quý khách hàng là thành công của Công ty”.
- Đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu, thiết lập cơ chế duy trì mối liên hệ, đối thoại thường xuyên và định kỳ, cung cấp các sản phẩm chất lượng, cạnh tranh và bán chéo các sản phẩm mới với mục tiêu giữ mối quan hệ tốt với khách hàng.
- Công ty luôn đặt mục tiêu phát triển sản phẩm mới, cải tiến sản phẩm hiện hữu để kịp thời đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Đối với cổ đông/Nhà đầu tư

- Quản lý, sử dụng, đầu tư vốn hiệu quả với mục đích nhằm tối ưu hóa lợi ích lâu dài của cổ đông.
- Giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư qua các cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên. Tiếp nhận ý kiến phản hồi qua điện thoại, email.
- Công bố thông tin đúng theo quy định.

Đối với người lao động

- Nguồn nhân lực là tài sản quý giá của Công ty. Công ty luôn chú trọng việc tuyển dụng nhân sự có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đối với từng vị trí cần tuyển. Ngoài ra, nhằm mục đích duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, Công ty xây dựng kế hoạch đào tạo nhân sự hàng năm để phục vụ cho các mục tiêu phát triển của Công ty.
- Môi trường làm việc lành mạnh, cởi mở, tiện nghi và đầy đủ cơ sở vật chất có ý nghĩa quan trọng đối với tinh thần và hiệu suất làm việc của người lao động. Vì vậy, đi đôi với việc xây dựng môi trường làm việc chất lượng thì Công ty đảm bảo việc chi trả lương đúng hạn, phân phối quỹ tiền lương hợp lý và áp dụng đa dạng, linh hoạt các chế độ đãi ngộ, phúc lợi để khuyến khích người lao động nâng cao năng lực làm việc, cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty.
- Phát triển văn hóa doanh nghiệp để thúc đẩy động lực làm việc và tăng cường đoàn kết nội bộ vì sự phát triển của Công ty.



Đối với Cơ quan quản lý Nhà nước

- Tuân thủ các quy định pháp luật trong các lĩnh vực an toàn, bảo vệ môi trường và các quy định đặc thù của ngành hóa chất.
- Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật để thay đổi cho phù hợp với những quy định mới, đảm bảo sự tuân thủ, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tuân thủ các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế.

Đối với Môi trường và Cộng đồng địa phương

- Không ngừng đẩy mạnh nghiên cứu đầu tư và cải tiến công nghệ sản xuất đảm bảo môi trường, nâng cao các quá trình xử lý chất thải để giảm tác nhân gây ô nhiễm môi trường, áp dụng phương pháp sản xuất sạch và hóa học xanh, hướng tới sự phát triển bền vững.
- Công ty luôn cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ đối với cộng đồng và xã hội, chung tay góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp và phát triển bền vững.

Rủi ro kinh tế

Thế giới đang trong giai đoạn có nhiều xáo trộn cả về kinh tế, địa chính trị và có tác động mạnh mẽ đến triển vọng toàn cầu. Lạm phát tăng cao, buộc các chính phủ phải thắt chặt chính sách tiền tệ, hộ gia đình siết chặt chi tiêu trong bối cảnh giá cả hàng hóa tăng cao do lạm phát. Ngoài ra, tình hình còn phức tạp hơn khi xung đột giữa Nga và Ukraina có dấu hiệu kéo dài và tác động sâu rộng hơn.

Trong năm 2023, Chính sách “Zero Covid” của Trung Quốc đã chính thức được bãi bỏ kể từ ngày 08/01/2023 khiến cho nguồn cung hàng hóa, đặc biệt là hóa chất trở nên dư thừa so với năm trước, dẫn đến giá cả các sản phẩm hóa chất tại thị trường Việt Nam ngày càng giảm dần điều này đã trực tiếp ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất hóa chất cơ bản với các sản phẩm tiêu biểu như: Xút, Axit Sunfuric, Axit Clohydric, Axit Photphoric, PAC,... đóng vai trò cung cấp nguyên liệu đầu vào cho nhiều ngành sản xuất thiết yếu phục vụ sản xuất và tiêu dùng như phân bón, giấy, dệt, nhuộm, thuốc bảo vệ thực vật, chất tẩy rửa, xử lý nước, tẩy mạ thép,... nên mọi sự biến động của nền kinh tế sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nhằm hạn chế tác động của rủi ro kinh tế, Công ty luôn theo sát, đánh giá thị trường để kịp thời đưa ra các chính sách phù hợp với diễn biến đang xảy ra, đặc biệt là chính sách giá bán. Bên cạnh đó, Công ty cũng tập trung nghiên cứu các đối tượng khách hàng, sản phẩm mới, khả năng và năng lực của Công ty nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu từ khách hàng. Từ đó, Công ty có những kế hoạch chủ động, linh hoạt trước các diễn biến tích cực cũng như tiêu cực có thể xảy ra trên thị trường.

Rủi ro phát triển sản phẩm mới

Hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới luôn được Công ty quan tâm, chú trọng. Do đặc thù ngành sản xuất hóa chất cơ bản nên việc sản xuất và kinh doanh sản phẩm mới được các cơ quan ban ngành xem xét, phê duyệt rất kỹ lưỡng và mất nhiều thời gian. Hơn nữa, Công ty cần đầu tư với chi phí tương đối cao để xây dựng kho chứa, phương tiện vận chuyển trong trường hợp phát triển sản phẩm mới. Vì vậy, việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của Công ty tiêu hao rất nhiều nguồn lực cả về nhân sự và tài chính.

Trong thời gian sắp tới, Công ty triển khai dự án đầu tư di dời 3 nhà máy tại KCN Biên Hòa 1 về KCN Nhơn Trạch nên công tác đầu tư sản phẩm mới tại các Nhà máy thuộc khu công nghiệp Biên Hòa 1 tương đối khó khăn. Tuy nhiên, nhằm đón đầu hoạt

động sản xuất kinh doanh, tăng trưởng và phát triển sản phẩm mới tại Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch, Công ty tiến hành các hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới từ các sản phẩm hiện hữu của Công ty như sử dụng nguyên liệu đầu vào là các sản phẩm, bán thành phẩm của Công ty hiện nay có gốc Clo, gốc Sunfat, gốc Phốt phát... để chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào, giảm chi phí, hạ giá thành, tiêu thụ được các sản phẩm của Công ty.

**Rủi ro Tỷ giá**

Trong năm qua, các Ngân hàng Trung Ương các quốc gia trên thế giới thực thi chính sách tiền tệ thắt chặt như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc,... Điều này đã gây áp lực không nhỏ đến tỷ giá Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ tại Việt Nam. Năm 2023, tỷ giá VND/USD đã liên tục biến động gây khó khăn cho Công ty trong việc dự báo và đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Rủi ro tỷ giá đến từ việc Công ty phải nhập khẩu một số nguyên vật liệu đầu vào như Muối công nghiệp, Lưu huỳnh,... Tỷ giá tăng làm ảnh hưởng đến giá vốn nguyên vật liệu đầu vào, tác động đáng kể đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Công ty giao bộ phận phòng ban chuyên trách theo dõi chặt chẽ tình hình biến động của tỷ giá, các chính sách dự trữ nguồn nguyên liệu chính ít nhất từ 1 đến 3 tháng tại các nhà máy, đơn vị trực thuộc luôn được Công ty thực hiện. Các kế hoạch nhập khẩu liên quan đến đối tác nước ngoài được tính toán kỹ lưỡng về thời gian thực hiện cũng như thời hạn thanh toán để hạn chế rủi ro tỷ giá ở mức thấp nhất.

Rủi ro cháy nổ

Hoạt động sản xuất hóa chất luôn tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ, có thể xảy ra sự cố bất kỳ thời điểm nào và gây ra thiệt hại lớn về con người và tài sản trên phạm vi rộng khi xảy ra. Do đó, Công ty đã tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về PCCC tại nơi sản xuất như lắp đặt hoàn thiện hệ thống PCCC, trang bị phương tiện chữa cháy phù hợp về số lượng và chủng loại, thường xuyên kiểm tra, theo dõi hệ thống thông gió, độ ẩm và nhiệt độ của kho hóa chất cũng như hệ thống điện và nguồn lửa. Bên cạnh đó, Công ty còn phối hợp diễn tập các tình huống giả định đã được nhận diện trong kế hoạch để người lao động được

ôn luyện, thành thạo các thao tác xử lý tình huống khi xảy ra sự cố, cũng như sự phối hợp giữa Công ty và các cơ quan chức năng: Cảnh sát PCCC, lãnh đạo địa phương và các lực lượng ứng cứu trong khu vực. Ngoài ra, để tích cực khắc phục hậu quả trong trường hợp có sự cố cháy nổ xảy ra, Công ty đã mua bảo hiểm toàn bộ tài sản, hàng hóa bao gồm cả hàng hóa trên đường vận chuyển của Công ty.

Rủi ro pháp luật

Rủi ro pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của khung pháp lý gồm các bộ luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Thương mại,... các Nghị định, Thông tư và các văn bản pháp luật liên quan khác. Hệ thống pháp luật Việt Nam đang trong quá trình cập nhật đổi mới, tạo ra thách thức thích nghi đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Vì vậy, Công ty luôn chủ động cập nhật và nghiên cứu thông tin pháp lý liên quan đến nền kinh tế và đặc thù ngành để điều chỉnh cơ chế vận hành phù hợp với pháp luật, hạn chế phát sinh các vấn đề pháp lý ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.

Rủi ro pháp luật trong lĩnh vực đầu tư xây dựng:

Các quy định liên quan đến đầu tư xây dựng còn chồng chéo, xung đột, thiếu hướng dẫn cụ thể, dẫn đến các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc tuân thủ pháp luật, gây chậm trễ tiến độ thực hiện dự án, tạo ra nhiều rủi ro pháp lý trong lĩnh vực đầu tư xây dựng.

Rủi ro pháp lý:

Hợp đồng xây dựng hiện chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật như Luật Xây dựng năm 2014, Bộ Luật Dân sự năm 2015, Luật Thương mại năm 2015, Luật Đấu thầu năm 2023... và các văn bản hướng dẫn chi tiết như Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Nghị định số 16/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2023/TT-BXD, Thông tư số 13/2021/TT-BXD... Việc Hợp đồng xây dựng chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật gây ra nhiều khó khăn, vướng mắc khi thực hiện các quy định trên, dẫn đến rủi ro tranh chấp Hợp đồng.

Rủi ro môi trường

Hoạt động đặc thù trong ngành sản xuất hóa chất cơ bản, những sự cố và tổn hại trong quá trình sản xuất kinh doanh có thể tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh. Công ty đã luôn thực hiện tốt việc: tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư công nghệ mới để xử lý chất thải, nâng cao ý thức của CBCNV trong việc sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên, tuân thủ nghiêm ngặt việc xử lý chất thải, nước thải,... Hàng năm Công ty đã thực hiện mua bảo hiểm môi trường, nhằm giảm thiểu rủi ro tác động môi trường. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng đến tầm quan trọng của việc nâng cao nhận thức môi trường trong công tác sản xuất vận hành đối với cán bộ nhân viên, ràng buộc hiệu quả kinh doanh với những mục tiêu về chất lượng, sức khỏe và sự an toàn của môi trường.

Công ty đã xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tại các đơn vị trực thuộc, có tham vấn ý kiến từ các cơ quan ban ngành địa phương. Hàng năm, Công ty diễn tập các tình huống giả định đã được nhận diện trong kế hoạch để người lao động được ôn luyện, thành thạo các thao tác xử lý tình huống khi xảy ra sự cố, cũng như có sự phối hợp giữa Công ty và các cơ quan chức năng: cảnh sát PCCC, lãnh đạo địa phương và các lực lượng ứng cứu trong khu vực. Ngoài ra, để tích cực khắc phục hậu quả trong trường hợp có sự cố cháy nổ xảy ra, Công ty đã mua bảo hiểm toàn bộ tài sản, hàng hóa bao gồm cả hàng hóa trên đường vận chuyển của Công ty.

Rủi ro khác

Quá trình sản xuất kinh doanh luôn tồn tại một số rủi ro khác mà tất cả các doanh nghiệp đều không thể kiểm soát như thiên tai, lũ lụt, chiến tranh, dịch bệnh,... Những trường hợp bất khả kháng này rất ít khi xảy ra, rất khó dự báo nhưng khi xảy ra sẽ để lại những hậu quả khó lường cho Công ty cả về con người và tài sản. Nhằm hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty luôn chủ động bằng cách mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản của Công ty. Đồng thời, Công ty luôn cố gắng lường trước các kịch bản xấu và lên các phương án chủ động phòng ngừa và xử lý khi có biến cố xảy ra.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023	36
Tổ chức và nhân sự	39
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	54
Tình hình tài chính	55
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	57
Báo cáo phát triển bền vững	58

Năm 2023, đã tăng trưởng kinh tế, thương mại và đầu tư toàn cầu suy giảm; trong khi nợ xấu gia tăng và lạm phát vẫn duy trì ở mức cao, gắn với những diễn biến căng thẳng của các cuộc xung đột địa chính trị.

Trong bối cảnh tình hình thế giới gặp nhiều thách thức thì Việt Nam vẫn là điểm sáng trong bức tranh kinh tế chung và không ngừng nâng tầm vị thế quốc tế. Dưới sự chỉ đạo quyết liệt, chủ động, linh hoạt của Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ban ngành, địa phương, kinh tế Việt Nam có xu hướng phục hồi, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực đạt mục tiêu đề ra, các khó khăn của doanh nghiệp và người dân dần được tháo gỡ. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã luôn theo sát tình hình chung nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có những thuận lợi và khó khăn, cụ thể:

”

Thuận lợi

- Các chính sách vĩ mô trong kiểm soát và đem lại kết quả tốt.
- Giá nguyên vật liệu chính của Công ty có xu hướng hạ nhiệt, giá bình quân của Lưu huỳnh, Muối công nghiệp đều giảm so với bình quân năm 2022.
- Giá Xút có dấu hiệu hồi phục từ quý IV năm 2023 trước bối cảnh các ngành công nghiệp sản xuất toàn cầu hồi phục. Các ngành công nghiệp dệt may, hóa chất, kim loại với nhu cầu tiêu thụ Xút lớn tại Trung Quốc cũng đang có sản lượng phục hồi các tháng cuối năm, qua đó hỗ trợ cho đà tăng của giá Xút.
- Ban Lãnh đạo luôn sâu sát, quan tâm, theo dõi, kịp thời đề xuất những giải pháp điều chỉnh chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh trước những khó khăn về cạnh tranh thương mại và các yếu tố tác động từ nền kinh tế, nhằm mục tiêu duy trì mức tăng trưởng và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Công tác duy tu, sửa chữa được chú trọng đảm bảo ổn định công suất các dây chuyền sản xuất.
- Luôn dự trữ, theo dõi mức tồn kho hợp lý, đảm bảo nguồn nguyên liệu kịp thời phục vụ cho hoạt động sản xuất.

”

Khó khăn

- Thị trường hàng hóa quốc tế tiếp tục chịu ảnh hưởng bởi các nhân tố kinh tế, chính trị thế giới, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và các cuộc xung đột quân sự Nga-Ukraina, chính sách tiền tệ thắt chặt dẫn đến sụt giảm nhu cầu tiêu dùng ở nhiều nước và tăng trưởng chậm lại, lạm phát tuy có xu hướng giảm nhưng vẫn ở mức cao.
- Một số ngành sản xuất trong nước chưa có dấu hiệu hồi phục như ngành thép, chitin... Mặt khác do người dân có xu hướng thắt chặt chi tiêu, nhu cầu tiêu dùng giảm nên các ngành hóa mỹ phẩm và hóa chất khác cũng giảm sản xuất.
- Thị trường Trung Quốc mở cửa trở lại từ đầu năm 2023 đã khiến cho nguồn cung hoá chất thế giới đặc biệt là nguồn hàng nhập khẩu vào Việt Nam biến động mạnh; giá cả các sản phẩm Xút, Axit Clohydric, Axit Sunfuric, Phốt pho vàng giảm sâu trước tác động kép từ nguồn cung dư thừa và nhu cầu thu hẹp.



”

Doanh thu thuần của Công ty năm 2023 đạt 1.588,44 tỷ đồng, giảm 24,51% so với năm 2022. Do tác động từ tình hình kinh tế suy giảm trong và ngoài nước, xung đột địa chính trị thế giới làm nhu cầu về hóa chất cơ bản năm 2023 giảm mạnh. Chưa kể thị trường Trung quốc mở cửa trở lại dẫn tới nguồn hóa chất nhập khẩu vào Việt Nam biến động mạnh, đã khiến giá bán các sản phẩm chính của Công ty giảm sâu trước tác động kép từ nguồn cung dư thừa và nhu cầu thu hẹp, cụ thể Công ty đã thực hiện điều chỉnh giá bán một số mặt hàng đầu ra như: NaOH giảm 23%, HCl giảm 39%, H₂SO₄ giảm 43%,...

Theo đó, lợi nhuận gộp và lợi nhuận trước thuế của Công ty lần lượt đạt 409,15 tỷ đồng giảm 38,02% và 288,85 tỷ đồng giảm 43,44% so với năm 2022. Tuy nhiên, năm 2022 là một mức nền tương đối cao khi ngành hóa chất năm 2022 được hưởng lợi từ việc nhu cầu và giá bán tăng mạnh do kinh tế phục hồi và thiếu hụt nguồn cung. Do đó, mức suy giảm này không thể hiện tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2023 kém khả quan. Qua các con số doanh thu và lợi nhuận cho thấy Công ty đã nỗ lực duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định trước tình hình kinh tế đầy biến động và thách thức trong năm 2023.

DVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2022	% Tăng/giảm năm 2023 so với năm 2022
1	Doanh thu thuần	1.588.441	2.104.252	-24,51%
2	Lợi nhuận gộp	409.152	660.171	-38,02%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	284.734	510.173	-44,19%
4	Lợi nhuận trước thuế	288.849	510.731	-43,44%
5	Lợi nhuận sau thuế	230.619	407.914	-43,46%
6	Cổ tức	25% (*)	35%	-28,57%
7	Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (đồng)	4.166	7.134	-41,60%

(*) mức cổ tức năm 2023 dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua

Năm 2023, giá nguyên vật liệu chính của Công ty như Muối, Lưu huỳnh giảm so với năm 2022, nhưng do hạn ngạch nhập khẩu được cấp khá thấp, đồng thời giá điện tăng 7,5% đã tăng thêm gánh nặng chi phí sản xuất cho Công ty. Do đó tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần năm 2023 tăng so với năm 2022, từ 68,63% lên 74,24%. Bên cạnh đó, chi phí bán hàng và

chi phí quản lý doanh nghiệp được kiểm soát tốt, không có chênh lệch đáng kể so với năm trước. Chi phí tài chính chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu doanh thu, do Công ty không phát sinh các khoản vay dài hạn và chỉ sử dụng nợ vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động.

DVT: Triệu đồng

KHOẢN MỤC	NĂM 2023		NĂM 2022	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
Giá vốn hàng bán	1.179.290	74,24%	1.444.081	68,63%
Chi phí tài chính	4.830	0,30%	8.044	0,38%
Chi phí bán hàng	82.664	5,20%	84.802	4,03%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	77.418	4,87%	78.619	3,74%
Chi phí khác	165	0,01%	82	0,00%
Tổng chi phí	1.344.367	84,63%	1.615.628	76,78%
Doanh thu thuần	1.588.441		2.104.252	

Doanh thu hợp nhất là 1.588,44 tỷ đồng, đạt 81,18% so với kế hoạch đặt ra. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất là 288,85 tỷ đồng, vượt 6,83% so kế hoạch được giao. Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng Công ty đã hoàn thành mục tiêu lợi nhuận được đề ra tại ĐHCĐ thường niên năm 2023.

DVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	% Hoàn thành kế hoạch
1	Doanh thu hợp nhất	1.956.710	1.588.441	81,18%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	270.374	288.849	106,83%
3	Cổ tức (%/Mệnh giá) (*)	15%	25%	166,67%

(*) Mức cổ tức dự kiến trình ĐHCĐ thường niên năm 2024 thông qua

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện sở hữu		Sở hữu cá nhân	
			Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu
I Hội đồng quản trị						
1	Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Chủ tịch HĐQT	11.051.000	25%	0	0%
2	Ông Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	8.840.000	20%	1.700	0,004%
3	Ông Lê Phương Đông	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0%	0	0%
4	Bà Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT độc lập	0	0%	6.000	0,014%
5	Ông Vũ Minh Ngọc	Thành viên HĐQT không điều hành	8.840.000	20%	0	0%
II Ban Kiểm soát						
1	Bà Đỗ Thị Thoa	Trưởng BKS	0	0%	0	0%
2	Bà Nguyễn Thị Minh Hà	Thành viên BKS	0	0%	0	0%
3	Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên BKS	0	0%	0	0%
III Ban điều hành						
1	Ông Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	8.840.000	20%	1.700	0,004%
2	Ông Đỗ Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	0	0%	0	0%
3	Ông Võ Đình Thùy	Phó Tổng Giám đốc	0	0%	0	0%
4	Ông Lê Tùng Lâm	Phó Tổng Giám đốc	0	0%	0	0%
5	Bà Phạm Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng	0	0%	850	0,002%

ÔNG NGUYỄN TUẤN DŨNG*Chủ tịch Hội đồng quản trị***Năm sinh:** 31/01/1975**Số lượng cổ phiếu nắm giữ:**

- **Cá nhân:** 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.
- **Đại diện vốn của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam:** 11.051.000 cổ phần; chiếm 25% vốn điều lệ.

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí công tác
09/1997 - 04/2002	Nhân viên Viện thiết kế - Tổng Cục hậu cần - Bộ Quốc Phòng.
05/2002 - 06/2006	Chuyên viên Ban Đầu tư - Xây dựng - Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam.
06/2006 - 01/2008	Phó Trưởng Ban Đầu tư xây dựng - Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam.
01/2008 - 07/2008	Phó Trưởng Ban Đầu tư xây dựng, phụ trách ban Đầu tư xây dựng - Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam.
08/2008 - 12/2009	Trưởng Ban Đầu tư xây dựng - Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam.
12/2009 - 10/2021	Trưởng Ban Đầu tư xây dựng - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
06/2020 đến nay	Người đại diện vốn Tập đoàn, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần DAP-Vinachem.
10/2021 đến nay	Trưởng Ban Người đại diện vốn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
04/2022 đến nay	Người đại diện vốn Tập đoàn, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần DAP-Vinachem.
- Trưởng ban Ban Người đại diện vốn của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

- Ông Nguyễn Văn Oanh - Mối quan hệ (Bố): 20 cổ phần chiếm 0,000045% vốn điều lệ.

ÔNG LÊ THANH BÌNH*Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc***Năm sinh:** 31/12/1972**Số lượng cổ phiếu nắm giữ:**

- **Cá nhân:** 1.700 cổ phần; chiếm 0,004% vốn điều lệ.
- **Đại diện vốn của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam:** 8.840.000 cổ phần; chiếm 20% vốn điều lệ.

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Quản trị Kinh doanh.

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí công tác
10/1995 - 12/2001	Nhân viên Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
01/2002 - 09/2003	Phó Phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
10/2003 - 12/2005	Phó Phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
01/2006 - 12/2013	Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
01/2014 - 04/2015	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng Phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
04/2015 - 04/2019	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
04/2019 - 09/2019	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
10/2019 - Nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
04/2021 - Nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam.

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có.

ÔNG LÊ PHƯƠNG ĐÔNG*Thành viên Hội đồng quản trị***Năm sinh:** 21/08/1967**Số lượng cổ phiếu nắm giữ :**

- **Cá nhân:** 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.
- **Đại diện:** 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.
- Kỹ sư Công nghệ hóa học.
- Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy.

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí công tác
11/1989 - 12/2000	Công nhân viên Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
12/2000 - 06/2001	Trưởng phòng Kỹ thuật Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
06/2001 - 12/2001	Phó Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
01/2002 - 12/2002	Quyền Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
12/2002 - 09/2003	Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
09/2003 - 01/2010	Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
01/2010 - 12/2013	Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 Chi nhánh Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
01/2014 - nay	Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
04/2019 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có.**BÀ NGUYỄN THANH BÌNH***Thành viên Hội đồng quản trị***Năm sinh:** 06/03/1961**Số lượng cổ phiếu nắm giữ:**

- **Cá nhân:** 6.000 cổ phần; chiếm 0,014% vốn điều lệ.
- **Đại diện:** 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Quản trị kinh doanh.
- Kỹ sư hóa.

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí công tác
10/1987 - 12/1987	Cán bộ kỹ thuật Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
01/1998 - 07/1998	Trưởng phòng kỹ thuật Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
08/1998 - 09/2003	Phó Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
09/2003 - 01/2010	Phó Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
02/2010 - 04/2011	Kỹ sư phòng Công nghệ - Thiết bị Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
05/2011 - 12/2013	Phó trưởng phòng Nhân sự - Hành chính Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
01/2014 - 03/2016	Trưởng phòng Nhân sự - Hành chính Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
04/2019 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.**Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:** Không có.

ÔNG VŨ MINH NGỌC*Thành viên Hội đồng quản trị***Năm sinh:** 17/04/1981**Số lượng cổ phiếu nắm giữ:**

- **Cá nhân:** 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.
- **Đại diện vốn của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam:** 8.840.000 cổ phần; chiếm 20% vốn điều lệ.

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư xây dựng.
- Thạc sỹ Kinh doanh và Quản lý.

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí công tác
05/2005 - 04/2009	Chuyên viên Ban QLDA DAP Hải Phòng - Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam.
04/2009 - 12/2009	Chuyên viên Ban QLDA Nhà máy Đạm Ninh Bình - Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam.
12/2009 - 12/2010	Chuyên viên Ban QLDA Nhà máy Đạm Ninh Bình - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
01/2011 - 04/2019	Chuyên viên Ban Đầu tư Xây dựng - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
04/2019 - 04/2021	Chuyên viên Ban Đầu tư Xây dựng - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam; Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất.
04/2021 - nay	Chuyên viên Ban Đầu tư Xây dựng - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam; Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất; Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hoá chất Cơ bản Miền Nam

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

- Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất
- Chuyên viên Ban Đầu tư Xây dựng - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có.**ÔNG ĐỖ TRUNG HIẾU***Phó Tổng Giám đốc***Năm sinh:** 24/10/1970**Số lượng cổ phiếu nắm giữ:**

- **Cá nhân:** 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.
- **Đại diện:** 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Hóa.

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí công tác
12/1993 - 12/1999	Nhân viên phòng Kỹ thuật Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
01/2000 - 07/2001	Phó phòng Kỹ thuật Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
08/2001 - 09/2003	Trưởng phòng Kỹ thuật Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
09/2003 - 09/2006	Trưởng Phòng Kỹ thuật Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
10/2006 - 12/2013	Trưởng Phòng Công nghệ - Thiết bị Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
01/2014 - 08/2018	Trưởng Phòng Công nghệ - Thiết bị Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
09/2018 - 05/2019	Trợ lý Tổng Giám đốc, Trưởng Phòng Công nghệ - Thiết bị Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
06/2019 - 05/2022	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Công nghệ - Thiết bị Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
06/2022 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.**Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:** Không có.

ÔNG VÕ ĐÌNH THÙY*Phó Tổng Giám đốc***Năm sinh:** 14/10/1968**Số lượng cổ phiếu nắm giữ:**

- **Cá nhân:** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- **Đại diện:** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư xây dựng.

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí công tác
1999 - 08/2000	Nhân viên phòng Thiết kế, Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sơn Long.
09/2000 - 09/2003	Nhân viên phòng Cơ điện Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
09/2003 - 01/2006	Nhân viên phòng Cơ điện Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
02/2006 - 09/2006	Phó phòng Cơ điện Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
10/2006 - 12/2013	Trưởng phòng Xây dựng Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
01/2014 - 08/2018	Trưởng phòng Xây dựng Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
09/2018 - 10/2019	Trưởng phòng Đầu tư - Xây dựng Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
11/2019 - 03/2020	Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Đầu tư - Xây dựng Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
04/2020 - Nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Ông Đoàn Thanh Tân - Mối quan hệ Anh rể: 100.000 cổ phần chiếm 0,23% vốn điều lệ.

ÔNG LÊ TÙNG LÂM*Phó Tổng Giám đốc***Năm sinh:** 22/08/1975**Số lượng cổ phiếu nắm giữ:**

- **Cá nhân:** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- **Đại diện:** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kinh tế học.
- Cử nhân Kế toán.
- Cử nhân Luật.

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí công tác
08/1997 - 01/1998	Chuyên viên Phòng Kế hoạch thị trường Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
02/1998 - 03/1998	Chuyên viên phụ trách Ban Tài chính Kế toán Nhà máy Hóa chất Đồng Nai trực thuộc Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
04/1998 - 09/1999	Trưởng ban Tài chính Kế toán Nhà máy Hóa chất Đồng Nai trực thuộc Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
10/1999 - 12/2001	Chuyên viên Phòng Kế toán - Tài chính Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
01/2002 - 09/2003	Phó Trưởng phòng Kế toán - Tài chính Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
09/2003 - 11/2013	Phó Trưởng phòng Kế toán - Tài chính Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
12/2013 - 12/2013	Phó Trưởng phòng Nhân sự - Hành chính Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
01/2014 - 03/2016	Phó Trưởng phòng Nhân sự - Hành chính, Thư ký Công ty kiêm người được ủy quyền công bố thông tin, Thành viên Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị Công ty - Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
04/2016 - 03/2021	Trưởng phòng Nhân sự - Hành chính, Thư ký công ty kiêm người được ủy quyền Công bố thông tin, Người phụ trách quản trị Công ty, Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
04/2021 - Nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Người được ủy quyền công bố thông tin, Người phụ trách quản trị công ty Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Ông Lê Quốc Hùng - Em ruột: 20 cổ phần chiếm 0,000045% vốn điều lệ.

BÀ PHẠM THỊ THU HẰNG*Kế toán trưởng***Năm sinh:** 09/10/1972**Số lượng cổ phiếu nắm giữ:**

- **Cá nhân:** 850 cổ phần; chiếm 0,002% vốn điều lệ.
- **Đại diện:** 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Tài chính Kế toán.

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí công tác
03/1995 - 09/2003	Nhân viên phòng Kế toán - Tài chính Công ty Hoá chất Cơ bản Miền Nam.
09/2003 - 11/2013	Nhân viên Phòng Kế toán - Tài chính Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
12/2013 - 12/2013	Phó Trưởng phòng Kế toán - Tài chính Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
01/2014 - 06/2018	Phó Trưởng phòng Kế toán - Tài chính Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
07/2018 - 12/2018	Phó Trưởng phòng Kế toán - Tài chính Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam kiêm Kế toán trưởng Nhà máy Hóa chất Biên Hòa.
01/2019 - 03/2020	Phó Trưởng phòng Kế toán - Tài chính Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
04/2020 - Nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.**Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:** Không có.**BÀ ĐỖ THỊ THOÀ***Trưởng Ban kiểm soát***Năm sinh:** 15/09/1974**Số lượng cổ phiếu nắm giữ:**

- **Cá nhân:** 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.
- **Đại diện:** 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế.

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí công tác
10/1996 - 03/2003	Nhân viên Kế toán Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
04/2003 - 12/2013	Nhân viên Kế toán Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
01/2014 - 04/2016	Nhân viên Kế toán Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
05/2016 - nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.**Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:** Không có.**BÀ NGUYỄN THỊ MINH HÀ***Thành viên Ban kiểm soát***Năm sinh:** 27/11/1977**Số lượng cổ phiếu nắm giữ****Cá nhân:** 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.**Đại diện:** 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân Kế toán Kiểm toán.

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí công tác
11/1999 - 03/2013	Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cao su Sao Vàng.
04/2013 - nay	Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
04/2019 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có.

ÔNG NGUYỄN MINH TRÍ

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 07/04/1989

Số lượng cổ phiếu nắm giữ

- **Cá nhân:** 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.
- **Đại diện:** 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ Tài chính.
- Thạc sĩ Kinh doanh thương mại.
- Cử nhân Quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí công tác
07/2012 - 07/2014	Nhân viên quan hệ khách hàng, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 2.
08/2014 - 07/2015	Nhân viên quan hệ khách hàng, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM.
09/2015 - 12/2019	Nhân viên phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
01/2020 - nay	Phó trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
04/2021 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
04/2021 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam.

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có.

Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2023: Trong năm 2023, cơ cấu nhân sự Ban Điều hành trong Công ty không có thay đổi.

Tính chất phân loại	Năm 2022		Năm 2023	
	Số lượng	Tỷ trọng (%)	Số lượng	Tỷ trọng (%)
A Theo trình độ	658	100,00	644	100,00
1 Trình độ Đại học và trên Đại học	122	18,54	115	17,86
2 Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	174	26,44	165	25,62
3 Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	301	45,74	302	46,89
4 Lao động phổ thông	61	9,27	62	9,63
B Theo thời hạn HĐLĐ	658	100,00	644	100,00
1 Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	145	22,04	127	19,72
2 Hợp đồng không xác định thời hạn	513	77,96	517	80,28
C Theo giới tính	658	100,00	644	100,00
1 Nam	541	82,22	527	81,83
2 Nữ	117	17,78	117	18,17



Nguồn nhân lực đóng vai trò hạt nhân trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty. Với môi trường cạnh tranh ngày càng cao, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân sẽ tham gia mạnh vào hóa chất cơ bản thời gian tới, nguồn nhân lực chuyên nghiệp, lành nghề sẽ giúp Công ty duy trì lợi thế và đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Bên cạnh đó, đảm bảo công việc ổn định, chăm lo các chế độ, chính sách và đảm bảo chất lượng cuộc sống của người lao động cũng là cách thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.



1

Về đào tạo

Trong công tác phát triển nguồn nhân lực, Công ty chú trọng đến công tác đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ và khuyến khích các cán bộ trẻ nâng cao trình độ chuyên môn. Mục tiêu đào tạo của Công ty là nguồn nhân lực giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, chuẩn mực trong đạo đức, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và tâm huyết với nghề. Cụ thể, năm 2023, Công ty đã tổ chức 41 khóa đào tạo, với 937 cá nhân được đào tạo gồm 856 cá nhân là công nhân, nhân viên và 81 cá nhân là quản lý (có cá nhân tham gia nhiều khóa đào tạo). Tổng chi phí của hoạt động đào tạo đạt 735,7 triệu đồng, cho thấy mức độ quan tâm của Công ty đến hoạt động phát triển nguồn nhân lực này. Ngoài ra, Công ty thực hiện chính sách điều động, bổ nhiệm nhân sự một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh theo từng thời điểm.



2

Về tuyển dụng

Nhằm mục tiêu xây dựng nguồn nhân lực ổn định, Công ty ưu tiên tuyển dụng các đối tượng là con/em người lao động đã hoặc đang công tác tại Công ty nếu đảm bảo yêu cầu. Công tác tuyển dụng nhân sự tại Công ty được thực hiện căn cứ vào kế hoạch tuyển dụng được Công ty phê duyệt hàng năm và quy trình tuyển dụng nhân sự của Công ty. Năm 2023, Công ty duy trì việc làm ổn định với các chế độ phúc lợi đảm bảo cho 644 CBCNV.



3

Môi trường công việc

Công ty luôn trang bị cơ sở vật chất đầy đủ, tiện nghi phục vụ cho quá trình làm việc ở tất cả các nơi từ Văn phòng cho đến Nhà máy, Chi nhánh. Công đoàn Công ty đã đầu tư nhiều công trình mới với công nghệ mới, trang thiết bị hiện đại, mở rộng sản xuất, từ đó, cải thiện môi trường và điều kiện làm việc, an toàn, không độc hại và đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Liên quan đến công tác an toàn lao động, bảo hiểm lao động của người lao động, năm 2023, Công ty tiếp tục triển khai đồng bộ trong các đơn vị trực thuộc, thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động và chăm sóc sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động theo mô hình tiêu chuẩn ISO 45001 và hệ thống trách nhiệm xã hội tự nguyện của các doanh nghiệp hóa chất RC. Việc triển khai và duy trì hệ thống trách nhiệm xã hội tự nguyện (RC) được xác định là tinh thần cốt lõi trong các hoạt động hóa chất của Công ty.



4

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Ban Lãnh đạo Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng chế độ chính sách, phúc lợi hợp lý cho toàn thể CBCNV. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về Bảo hiểm Xã hội, lương và thưởng, các chính sách phúc lợi và đãi ngộ khác, thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, quy định của Công ty và Thỏa ước lao động tập thể. Ngoài ra, Công ty cũng nỗ lực điều chỉnh lương của toàn thể CBCNV một cách cạnh tranh so với trong ngành và thị trường, giúp người lao động có thể yên tâm công tác và gắn bó lâu dài với Công ty. Bên cạnh đó, định kỳ hàng năm, Công ty tổ chức Hội nghị Người lao động, triển khai rà soát và lấy ý kiến người lao động nhằm xây dựng hoặc bổ sung vào Thỏa ước Lao động tập thể những điều khoản có lợi hơn cho người lao động.

Thu nhập bình quân người lao động năm 2023

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Tổng số lao động bình quân (người)	629	652	638
2	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	16,71	18,53	16,87

Dự án đầu tư

Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam tổ chức lựa chọn nhà thầu, ký hợp đồng các gói thầu giai đoạn chuẩn bị Dự án Nhà máy Hóa chất Nhon Trạch nhằm di dời 03 nhà máy hiện hữu tại KCN Biên Hòa 1 về KCN Nhon Trạch 6.

Tình hình đầu tư tại Công ty Con

Trong quá trình triển khai chiến lược phát triển kinh doanh, việc theo dõi và đánh giá tình hình đầu tư tại Công ty con là một yếu tố quan trọng hàng đầu, mọi quyết định đầu tư đều được cân nhắc kỹ lưỡng và phù hợp với mục tiêu tổng thể của Công ty mẹ. Trong năm, bộ phận chuyên môn đã thực hiện việc giám sát chặt chẽ hiệu suất hoạt động của Công ty con thông qua các báo cáo định kỳ, từ đó đưa ra các quyết định chiến lược phù hợp làm tăng hiệu quả hoạt động đầu tư.

Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2022	% Tăng/giảm năm 2023 so với năm 2022
1	Tổng giá trị tài sản	1.721.955	1.718.419	0,21%
2	Doanh thu thuần	1.588.441	2.104.252	-24,51%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	284.734	510.173	-44,19%
4	Lợi nhuận khác	4.115	557	638,52%
5	Lợi nhuận trước thuế	288.849	510.731	-43,44%
6	Lợi nhuận sau thuế	230.619	407.914	-43,46%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	4,56	4,31
Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	3,28	2,99
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	16,59%	16,85%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	19,89%	20,26%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,16	3,99
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,92	1,33
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	14,52%	19,39%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	16,10%	31,52%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	13,41%	25,70%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/Doanh thu thuần	%	17,93%	24,24%

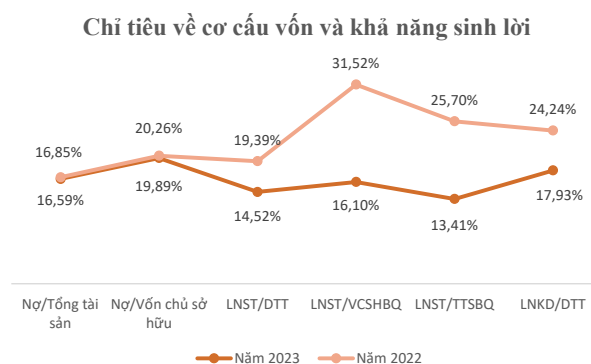
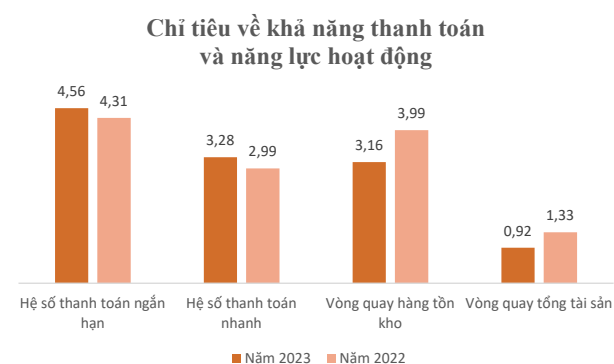


Chỉ tiêu khả năng thanh toán

Các hệ số thanh toán ngắn hạn, hệ số thanh toán nhanh của Công ty đều cải thiện đáng kể, cụ thể, chỉ số khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh tại ngày 31/12/2023 lần lượt là 4,56 lần và 3,28 lần, tăng so với mức 4,31 lần và 2,99 lần tại thời điểm 31/12/2022 nhờ dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh cải thiện tích cực và Công ty luôn đảm bảo thanh khoản cao.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Tính đến thời điểm 31/12/2023, các chỉ số Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu lần lượt là 16,59% và 19,89% giảm nhẹ so với thời điểm 31/12/2022. Cơ cấu nợ phải trả luôn được giữ ở tỷ trọng thấp qua các năm qua đó cho thấy cơ cấu vốn tương đối an toàn mà Công ty chủ trương duy trì, nhằm giảm rủi ro tài chính và áp lực lãi vay của Công ty.



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay tài sản của Công ty năm 2023 đạt 0,92 vòng, giảm so với mức 1,33 vòng năm 2022. Trong năm, hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra với nhiều yếu tố không thuận lợi từ thị trường, theo đó sản lượng tiêu thụ sụt giảm do nhu cầu các ngành nghề sản xuất và giá bán các sản phẩm giảm mạnh theo giá thế giới đã ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu của Công ty. Tổng tài sản của Công ty tăng nhẹ chủ yếu đến từ tăng tài sản ngắn hạn do Công ty chủ động giữ lại lượng tiền mặt đáng kể nhằm chuẩn bị nguồn lực cho việc di dời và đầu tư dự án nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch.

Vòng quay hàng tồn kho bình quân của Công ty năm 2023 đạt 3,16 vòng, giảm so với mức 3,99 vòng của cùng kỳ do chịu tác động kép từ việc đa dạng nguồn cung và nhu cầu sụt giảm, dẫn tới tốc độ luân chuyển hàng tồn kho của Công ty suy giảm so với năm 2022.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2023, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn, do đó các chỉ số sinh lời đều sụt giảm so với năm 2022, Tuy nhiên, 2022 là năm ngành hóa chất gặp nhiều thuận lợi nên mức nền 2022 là một mức nền tương đối cao. Chỉ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần và lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/doanh thu thuần năm 2023 lần lượt là 14,52% và 17,93%, thể hiện Công ty quản trị tốt các chi phí trong sản xuất kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận. Đồng thời, chỉ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản năm 2023 lần lượt là 16,10% và 13,41%.

- **Tổng số cổ phiếu đã phát hành:** 44.200.000 cổ phiếu, trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 44.200.000 cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
- **Loại cổ phần:** Cổ phiếu phổ thông.
- **Mệnh giá cổ phần:** 10.000 đồng/cổ phiếu.

Phân loại theo cổ đông trong nước và nước ngoài tại ngày 29/12/2023

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	28.731.000	65,00%	1	1	-
2	Công đoàn công ty	160.000	0,36%	1	1	-
-	Trong nước	160.000	0,36%	1	1	-
-	Nước ngoài	-	0,00%	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	0,00%	-	-	-
4	Cổ đông khác	15.309.000	34,64%	3.196	47	3.149
-	Trong nước	13.729.726	31,06%	3.117	28	3.089
-	Nước ngoài	1.579.274	3,57%	79	19	60
TỔNG CỘNG		44.200.000	100,00%	3.198	49	3.149
Trong đó: - Trong nước		42.620.726	96,43%	3.119	30	3.089
- Nước ngoài		1.579.274	3,57%	79	19	60

Phân loại theo cổ đông lớn tại ngày 29/12/2023

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Tập đoàn hóa chất Việt Nam	28.731.000	65,00%
2	Cổ đông khác	15.469.000	35%
TỔNG CỘNG		44.200.000	100,00%

Căn cứ công văn số 6895/UBCK-PTTT ngày 01/11/2021, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty là: **50%**.

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Kể từ khi đăng ký niêm yết đến nay công ty không thực hiện tăng vốn, vốn điều lệ đến ngày 31/12/2023 là 442 tỷ đồng.

Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong năm, Công ty không có giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ. Số lượng cổ phiếu quỹ Công ty hiện đang nắm giữ là 0 cổ phiếu.

Phát triển bền vững hướng đến sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa ba mặt của sự phát triển: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Trong hai thập kỷ qua, trên bình diện quốc tế, vấn đề phát triển bền vững ngày càng được đặc biệt quan tâm, trở thành yêu cầu phát triển của toàn cầu. Phát triển bền vững là xu thế chung mà toàn nhân loại đang nỗ lực hướng tới, đó cũng là mục tiêu chiến lược quan trọng, là chủ trương đường lối, chính sách, quan điểm mà Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam quyết tâm thực hiện. Với quan điểm này, Công ty định hướng chiến lược phát triển bền vững với 3 trọng tâm sau:



Xây dựng kinh tế bền vững - Nền tảng cho tương lai tươi sáng:

Công ty cam kết đóng góp cho sự phát triển bền vững của kinh tế Việt Nam thông qua việc hoạt động hiệu quả, thúc đẩy sự phát triển kinh tế.



Nhận thức về tư duy bền vững, chung tay phủ xanh trái đất:

Công ty luôn chung tay với Chính phủ Việt Nam trong công cuộc chống biến đổi khí hậu.



Đóng góp xây dựng xã hội và cộng đồng địa phương:

Công ty luôn chú trọng các công tác an sinh xã hội và xây dựng cộng đồng địa phương.



Tác động lên môi trường

Quản lý môi trường trong chuỗi giá trị hoạt động kinh doanh là việc thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của hoạt động kinh doanh đối với môi trường. Việc này không chỉ nhằm tuân thủ yêu cầu pháp luật, mà còn thể hiện triết lý của một đơn vị sản xuất hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Việc quản lý môi trường trong chuỗi giá trị có thể giúp Công ty đạt được những lợi ích sau:

- Tạo ra một môi trường làm việc trong sạch, giảm thiểu ô nhiễm, đảm bảo sức khỏe và điều kiện sinh hoạt của người lao động và các bên liên quan.
- Giảm thiểu chi phí sản xuất, vận hành, và các rủi ro do ô nhiễm môi trường gây ra.
- Nâng cao hình ảnh và uy tín của Công ty, tăng khả năng cạnh tranh.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

- Dây chuyền sản xuất sử dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến không phát sinh hoặc phát sinh rất ít phát thải.
- Hệ thống xử lý khí thải được bảo trì bảo dưỡng định kỳ nhằm đảm bảo hoạt động ổn định.
- Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ để đánh giá hiệu quả của các hệ thống xử lý chất thải tại các nhà máy Hóa chất Biên Hòa, Hóa chất Đồng Nai và Hóa chất Tân Bình 2.
- Xây dựng phương án ứng phó sự cố môi trường tại các nhà máy Hóa chất Biên Hòa, Hóa chất Tân Bình 2, Hóa chất Đồng Nai.
- Tái sử dụng các nguồn nhiệt dư trong quá trình sản xuất để giảm công suất sử dụng nồi hơi.
- Khí nóng được sản xuất từ dây chuyền sản xuất axit sunfuric được nghiên cứu cải tiến nâng cao chất lượng nguồn nhiệt thu hồi từ dây chuyền axit sunfuric để cung cấp năng lượng cho các dây chuyền sản xuất khác tại Công ty.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu và năng lượng là hai yếu tố quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh của bất kỳ doanh nghiệp nào. Đối với Công ty, nguyên vật liệu và năng lượng đóng vai trò đặc biệt quan trọng, quyết định đến hiệu quả sản xuất kinh doanh. Nguyên vật liệu, năng lượng chính dùng cho sản xuất bao gồm: Muối công nghiệp (NaCl), Cát trắng, Lưu huỳnh (S), Phốt pho vàng (P₄), Quặng apatit, BaCl₂, điện,... Trong đó, Cát trắng, Phốt pho vàng, Quặng apatit, điện có sẵn trong nước, còn lại nhập khẩu từ nước ngoài. Nguyên vật liệu đưa vào sản xuất luôn được Công ty đánh giá, chọn lọc chất lượng phù hợp với hàm lượng chất thải thấp đóng góp vào việc giảm phát thải ra môi trường. Công ty có nguồn cung ứng ổn định là những nhà cung cấp uy tín trên thị trường. Bên cạnh đó, Công ty có lợi thế là có công ty con sản xuất Phốt pho nên cũng thuận lợi cho Công ty trong việc sử dụng nguồn nguyên liệu này.

Đồng thời, Công ty chủ trương nâng cao nhận thức của nhân viên về tầm quan trọng của việc tiết kiệm nguyên vật liệu. Nhân viên được đào tạo về cách sử dụng nguyên vật liệu hợp lý, tránh lãng phí và góp phần bảo vệ môi trường.



Tiêu thụ năng lượng

Các hoạt động sản xuất kinh doanh luôn được Ban Lãnh đạo quan tâm chỉ đạo tối ưu hóa, giúp tiết giảm chi phí và cũng đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Công ty đã xây dựng định mức sử dụng các nguồn năng lượng cho tất cả các văn phòng, nhà máy. Định mức này được áp dụng và báo cáo định kỳ, giúp Công ty nắm bắt được tình hình sử dụng năng lượng và kịp thời phát hiện, xử lý các sai sót, thất thoát.

Bên cạnh đó, Công ty đã đẩy mạnh công tác truyền thông nội bộ nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ công nhân viên. Các chương trình truyền thông được thực hiện thường xuyên, với nhiều hình thức đa dạng, phong phú.

Hoạt động tiêu thụ năng lượng của các nhà máy đều tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn và định mức năng lượng cần thiết để hệ thống vận hành hiệu quả. Trong năm, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp tiết kiệm năng lượng, bao gồm:

- Thay thế các thiết bị cũ, lạc hậu bằng các thiết bị tiết kiệm năng lượng;
- Cải tiến quy trình sản xuất để giảm thiểu tiêu thụ năng lượng;
- Tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo.

Tiêu thụ nước

Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường nước, đặc biệt là trong bối cảnh ô nhiễm môi trường nước đang ngày càng nghiêm trọng. Vì vậy, Công ty đã và đang triển khai nhiều hoạt động nhằm giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực đến môi trường nước. Cụ thể, Công ty luôn tuân thủ đúng luật bảo vệ môi trường, hành động đi đôi với phương châm cùng cộng đồng bảo vệ môi trường sống. Công ty đã triển khai nhiều hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường nước cho CBCNV. Đồng thời, Công ty cũng khuyến khích CBCNV sử dụng nước tiết kiệm trong sinh hoạt và sản xuất.

Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải bảo đảm nước thải luôn đạt yêu cầu quy chuẩn quốc gia trước khi thải ra môi trường. Hệ thống xử lý nước thải của Công ty được vận hành thường xuyên, hiệu quả, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước.

Nhà máy của Công ty hiện đang sử dụng nguồn nước được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai, cụ thể như sau:

STT	Nguồn nước cung cấp	Lượng nước sử dụng (m ³)	Lượng nước tái sử dụng (m ³)	Tỷ lệ tái sử dụng (%)
I Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2				
	CTCP Cấp nước Đồng Nai	42.383	1.693	4
II Nhà máy Hóa chất Biên Hòa				
	CTCP Cấp nước Đồng Nai	365.000	10.632	2,9
III Nhà máy Hóa chất Đồng Nai				
	CTCP Cấp nước Đồng Nai	26.649	1.418	5,3
Tổng hợp		434.032	13.743	3,2

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong quá trình quản lý, vận hành các đơn vị, nhà máy trực thuộc, Công ty thường xuyên chỉ đạo các phòng ban chuyên môn theo dõi cập nhật các văn bản pháp quy về môi trường để triển khai áp dụng vào thực tiễn. Do đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn chấp hành theo các yêu cầu của Luật Bảo vệ môi trường, thực hiện nghiêm công tác đánh giá tác động, kiểm soát, phân tích mức độ ảnh hưởng, xây dựng các phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, phòng chống cháy nổ, hóa chất, xử lý khí thải, chất thải...

Báo cáo đánh giá tác động môi trường hay đề án bảo vệ môi trường chi tiết tại các dây chuyền sản xuất hóa chất của Công ty đã được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt. Thủ tục xin Giấy phép môi trường theo quy định mới được Công ty rà soát và triển khai thực hiện tại các đơn vị trực thuộc. Hiện nay nhà máy Hóa chất Biên Hòa đã được cấp giấy phép môi trường theo quy định mới, các nhà máy còn lại sẽ tiến hành triển khai khi các giấy phép hiện hữu hết hạn.

Để kiểm soát khí thải đảm bảo giảm tối đa nồng độ phát thải ra ngoài môi trường trong quá trình hoạt động, tất cả các dây chuyền sản xuất hóa chất tại những dự án, nhà máy của Công ty đã được đầu tư và lắp đặt hệ thống thu gom xử lý khí thải. Một số dây chuyền sản xuất đã được lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động liên tục (24/24h). Các thông số, dữ liệu được truyền online để theo dõi kiểm tra. Chất lượng khí thải qua xử lý xả vào môi trường luôn đạt tiêu chuẩn kỹ thuật khí thải công nghiệp vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT cột B.

Bên cạnh đó, tất cả các đơn vị trực thuộc của Công ty đều được đầu tư xây dựng hệ thống công trình thu gom và xử lý nước thải đảm bảo đạt tiêu chí cột A QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thải vào môi trường. Toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất được thu gom riêng biệt, đưa về hệ thống xử lý nước thải trung tâm của các nhà máy để xử lý sơ bộ trước khi giao cho Khu công nghiệp tiếp tục xử lý. Trong đó, hệ thống xử lý nước thải trung tâm của các đơn vị trực thuộc được thiết kế theo đặc điểm của nước thải phát sinh,

nước thải xử lý đáp ứng các thông số yêu cầu trước khi đưa vào hệ thống xử lý của Khu công nghiệp Biên Hòa I.

- Chất thải rắn sinh hoạt:

Đối với chất thải rắn, chất thải nguy hại, công tác quản lý thu gom, phân loại, xử lý tại các đơn vị cũng được thực hiện tốt. Tất cả chất thải được phân loại ngay tại nguồn và chuyển giao cho các đơn vị có chức năng để xử lý. Chất thải chuyên giao đều được lập biên bản và chứng từ giao nhận theo đúng yêu cầu của pháp luật.



Mặt khác, Công ty sẽ thống nhất về tổ chức thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại các đơn vị thông qua: Quy chế bảo vệ môi trường của Công ty (cập nhật tháng 6/2022); Quy chế phân cấp trách nhiệm trong công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường trong Công ty... Đặc biệt là duy trì áp dụng tiêu chuẩn ISO 14001:2015 trong quản lý và điều hành công tác bảo vệ môi trường tại các đơn vị trực thuộc, bởi đây là công cụ hiệu quả giúp triển khai thi hành tốt pháp luật bảo vệ môi trường và quản lý hiệu quả các nguồn tài nguyên phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2023, Công ty không vi phạm các quy định và không bị xử phạt liên quan đến lĩnh vực môi trường.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững, Công ty luôn tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội. Thông qua các hoạt động này, Công ty mong muốn lan tỏa tình yêu thương, góp phần vun đắp giá trị sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng.

Trong năm 2023, Công ty đã tham gia và tổ chức nhiều chương trình thiện nguyện như:

- Hưởng ứng cuộc vận động phong trào thi đua “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, Công ty đã ủng hộ kinh phí xây dựng, đầu tư bê tông hóa các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn huyện Đức Hòa, tỉnh Long An với số tiền 300 triệu đồng; Hỗ trợ chi phí cho Ban liên lạc hưu trí Vụ Khoa học Công nghệ - Bộ Công thương với số tiền 100 triệu đồng; Tham gia và tài trợ chương trình đi bộ “Vi nạn nhân chất độc da cam/Dioxin”.
- Công đoàn vận động người lao động trong Công ty hưởng ứng phong trào, hỗ trợ thảm họa động đất ở Thổ Nhĩ Kỳ với số tiền 40,3 triệu đồng; Vận động người lao động toàn Công ty ủng hộ 01 ngày lương thực tế để thực hiện công tác An sinh xã hội, trong đó trích đóng góp về Quỹ An sinh xã hội Tập đoàn với tổng số tiền 200 triệu đồng.
- Đoàn Thanh niên thực hiện chương trình Về nguồn kết hợp thăm hỏi, tặng quà cho các em nhỏ tại mái ấm Hồng Quang (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu); Chương trình “Mùa hè yêu thương” tài trợ xây dựng đoạn đường nông thôn bờ Nam kênh Bắc Viện, tỉnh Đồng Tháp, tặng quà và trao học bổng cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương; Chương trình “Cùng em đến trường” trao tặng 100 bộ bàn ghế cho trường THCS&THPT Sơn Lâm thuộc xã Phan Sơn, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận cùng 20 phần quà cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn 100 triệu đồng; Quyên góp quà tặng cho Chương trình an sinh xã hội tại Đà Nẵng trong Chương trình Tập huấn cán bộ Đoàn năm 2023.
- Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban liên lạc hưu trí Công ty, Ban liên lạc hưu trí Hóa chất phía Nam và Ban liên lạc hưu trí Vụ Khoa học và Công nghệ - Bộ Công thương.

Những hoạt động an sinh xã hội của Công ty đã góp phần mang lại niềm vui, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn, thể hiện tinh thần tương thân tương ái, chung tay xây dựng cộng đồng văn minh, giàu đẹp.





**BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ
CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	66
Tình hình tài chính	68
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	70
Kế hoạch phát triển trong tương lai	72

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023: Vững vàng vượt khó

Trong năm 2023, nền kinh tế toàn cầu vẫn trong bối cảnh chịu tác động kéo dài của các cú sốc tiêu cực chồng chéo, như chính sách thắt chặt tiền tệ của các nước phát triển nhằm kiềm chế lạm phát, cuộc xung đột ở Ukraina và căng thẳng địa chính trị ở một số quốc gia trên thế giới... Hoạt động của các nền kinh tế tăng trưởng chậm lại do giá năng lượng, lương thực, phân bón và một số loại hàng hóa khác biến động khó lường và xu hướng thu hẹp tiêu dùng, dẫn đến hoạt động sản xuất của nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn, thách thức.



Khó khăn

Về tình hình kinh doanh của Công ty, Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn như:

- Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) đã tăng giá điện thêm 7,5% trong năm 2023 làm tăng chi phí sản xuất của Công ty.
- Đối với nguyên liệu Muối công nghiệp, hạn ngạch được cấp khá thấp so với nhu cầu dẫn đến việc tăng chi phí sản xuất, giảm khả năng cạnh tranh các mặt hàng do Công ty sản xuất.
- Tình hình kinh doanh các sản phẩm chủ lực: Giá bán các sản phẩm NaOH, HCl trên thị trường liên tục giảm tạo sức ép đáng kể cho mục tiêu hoàn thành kế hoạch sản xuất, tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Giá bán Xút trên thị trường thế giới (theo bản tin ICIS) liên tục giảm mạnh, nhiều thời điểm thấp hơn giá thành tiêu thụ của Công ty. Giá bán HCl trên thị trường có thời điểm rất thấp, chỉ vài trăm nghìn đồng/tấn, gây nhiều khó khăn cho tiêu thụ HCl, khiến lượng tồn kho cao dẫn đến dây chuyền sản xuất Xút không phát huy được hết công suất. Giá bán sản phẩm PAC bột, Clo lỏng trên thị trường cũng rất cạnh tranh.
- Một số các sản phẩm khác của Công ty như PAC, H₂SO₄,... cũng chịu sự cạnh tranh gay gắt của hàng nhập khẩu giá rẻ và các công ty sản xuất trong nước.

Thuận lợi

Tuy nhiên bên cạnh những thách thức nêu trên, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn có những thuận lợi như:

- Tình hình kinh tế trong nước có một số tín hiệu tốt; lạm phát được duy trì ổn định ở mức 3,25%; hoạt động sản xuất công nghiệp diễn biến theo xu hướng tích cực, nhất là trong các tháng cuối năm.
- Giá cả một số nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất hóa chất giảm, trong đó có Muối công nghiệp, Lưu huỳnh và Phốt pho vàng, dẫn đến giá thành sản xuất các sản phẩm của Công ty cũng giảm đáng kể so với năm 2022.
- Bên cạnh việc duy trì mối quan hệ tốt với khách hàng hiện có để giữ được thị phần ổn định trong bối cảnh các đối thủ cạnh tranh gay gắt về giá, Công ty luôn chủ động tìm kiếm các khách hàng tiềm năng nhằm mở rộng tệp khách hàng, gia tăng doanh thu và lợi nhuận.
- Công tác duy tu, sửa chữa được chú trọng đảm bảo ổn định công suất các dây chuyền sản xuất.
- Ban Lãnh đạo luôn sâu sát, quan tâm, theo dõi, kịp thời đề xuất những giải pháp điều chỉnh chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh trước những khó khăn về cạnh tranh thương mại và các yếu tố tác động từ nền kinh tế, nhằm mục tiêu duy trì mức tăng trưởng và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Tình hình tài sản

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2022		% Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	1.303.629	75,71%	1.247.957	72,62%	4,46%
Tài sản dài hạn	418.327	24,29%	470.462	27,38%	-11,08%
Tổng tài sản	1.721.955	100,00%	1.718.419	100,00%	0,21%

Tại ngày 31/12/2023, tài sản ngắn hạn của Công ty đạt 1.303,63 tỷ đồng, tăng 4,46% so với thời điểm cuối năm 2022. Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn tăng 61,19%, tiền và tương đương tiền giảm 43,76%, các khoản phải thu ngắn hạn giảm 17,96%, hàng tồn kho giảm 4,23% so với thời điểm 31/12/2022. Đây là các khoản mục chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, do đó sự biến động của các khoản mục này sẽ làm tài sản ngắn hạn biến động mạnh. Trong năm 2023, Công ty gia tăng các khoản tiền gửi kỳ hạn ngắn, nhằm mục đích đảm bảo khả năng thanh toán. Bên cạnh đó, Công ty chủ trương giảm các khoản phải thu bằng việc thắt chặt chính sách tín dụng, giảm dự trữ hàng

tồn kho, để hoạt động Công ty ổn định hơn trong tình hình kinh tế bất ổn.

Tại ngày 31/12/2023, tài sản dài hạn của Công ty đạt 418,33 tỷ đồng, giảm 11,08% so với cùng thời điểm năm 2022 và chiếm 24,29% tổng tài sản. Phần lớn tài sản dài hạn là tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tổng tài sản. Khoản mục chi phí trả trước dài hạn là khoản Công ty đã thanh toán tiền thuê đất, thuê hạ tầng tại KCN Nhơn Trạch, với thời hạn thuê đến năm 2055.

Tình hình nguồn vốn

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2022		% Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ phải trả	285.728	16,59%	289.502	16,85%	-1,30%
- Nợ ngắn hạn	285.728	100,00%	289.502	100%	-1,30%
- Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	1.436.227	83,41%	1.428.917	83,15%	0,51%
Tổng nguồn vốn	1.721.955	100,00%	1.718.419	100%	0,21%

Nguồn vốn chủ sở hữu cuối năm 2023 đạt 1.436,23 tỷ đồng, tăng 0,51% so với cùng thời điểm năm trước, chiếm 83,41% tổng nguồn vốn. Trong khi đó, nợ phải trả giảm nhẹ chiếm 16,59% tổng nguồn vốn tương ứng với 285,73 tỷ đồng. Phần lớn đây là các khoản phải trả người bán ngắn hạn và vay nợ ngắn hạn, trong kỳ Công ty có phát sinh dư nợ các khoản vay ngắn hạn hơn 100 tỷ đồng do trong năm Công ty sử dụng khoản vay ngắn hạn với

lãi suất ưu đãi để thanh toán cho nhà cung cấp khi các khoản tiền gửi chưa đến kỳ hạn.

Với mục tiêu sử dụng chủ yếu nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn không sinh lãi tài trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty để giảm thiểu áp lực lãi vay, nên tỷ trọng vốn chủ sở hữu trong cơ cấu nguồn vốn được duy trì mức cao trong những năm qua.



1

Về hoạt động phát triển nguồn nhân lực

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Công ty chú trọng đến công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại chỗ. Mục tiêu đào tạo là xây dựng nguồn nhân lực giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, chuẩn mực trong đạo đức, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và tâm huyết với nghề. Công ty xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo đa dạng, phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng nhân viên, bao gồm:

- Đào tạo cho các cán bộ trẻ mới tuyển dụng, nhằm giúp họ nhanh chóng nắm vững kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.
- Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ công nhân viên hiện có, nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc và xu hướng phát triển của ngành.
- Đào tạo kỹ năng mềm, nhằm phát triển toàn diện năng lực của người lao động.
- Công ty cũng khuyến khích các cán bộ công nhân viên tự học hỏi, nâng cao trình độ bằng cách tham gia các khóa học bên ngoài, nghiên cứu sách báo, tài liệu chuyên môn,...

**Môi trường làm việc:**

Công ty luôn đảm bảo môi trường làm việc an toàn, vệ sinh, thân thiện và chuyên nghiệp.

- Đối với khối văn phòng, Công ty trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, tiện nghi phục vụ cho quá trình làm việc của cán bộ công nhân viên.
- Đối với các đơn vị sản xuất, Công ty đảm bảo đầy đủ các yếu tố về an toàn lao động, sức khỏe và môi trường. Người lao động được trang bị đầy đủ các phương tiện, công cụ bảo hộ lao động theo quy định.

Lương, thưởng, phúc lợi và chế độ đãi ngộ

Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật trong việc chi trả lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên. Công ty xây dựng và áp dụng đa dạng các chế độ đãi ngộ, phúc lợi nhằm động viên người lao động, ghi nhận những nỗ lực, đóng góp của các cá nhân và tập thể. Các chế độ đãi ngộ, phúc lợi bao gồm:

- Lương, thưởng theo năng lực và hiệu quả công việc.
- Thưởng lễ, tết, thưởng các ngày nghỉ phép, thưởng thâm niên,...
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,...
- Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn nhóm, khám sức khỏe định kỳ,...
- Chế độ nghỉ phép, nghỉ ốm, nghỉ thai sản,...
- Chế độ hỗ trợ ăn trưa, đi lại,...
- Chế độ đào tạo, phát triển, thăng tiến,...

Công ty luôn tạo điều kiện để cán bộ công nhân viên được hưởng các chính sách phúc lợi tốt nhất, nhằm thúc đẩy tinh thần làm việc của người lao động, tạo sự gắn bó lâu dài với tập thể và duy trì văn hóa doanh nghiệp của Công ty.

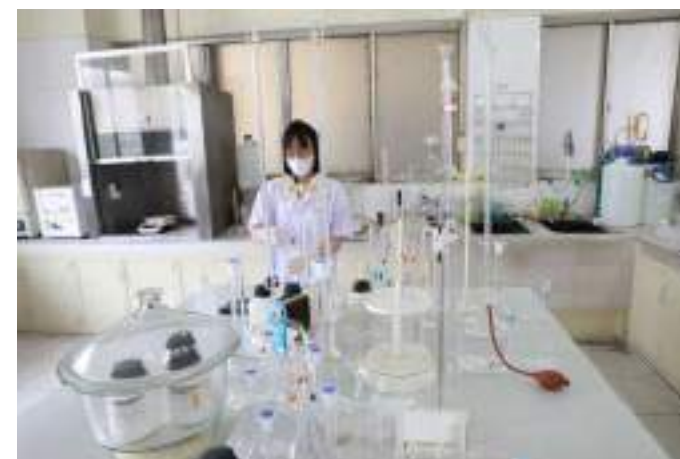
Đánh giá công tác nhân sự

Về tổng thể, chính sách nhân sự của Công ty được xây dựng và triển khai khá bài bản, đáp ứng được các yêu cầu cơ bản của một doanh nghiệp. Tuy nhiên, để hoàn thiện hơn, Công ty sẽ nỗ lực hoàn thiện thêm một số nội dung sau:

- Về đào tạo: Công ty có thể xây dựng lộ trình đào tạo cụ thể cho từng đối tượng nhân viên, nhằm đảm bảo hiệu quả đào tạo.
- Về môi trường làm việc: Công ty có thể tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, ... nhằm tạo môi trường làm việc vui vẻ, đoàn kết cho cán bộ công nhân viên.
- Về lương, thưởng, phúc lợi: Công ty có thể khảo sát thị trường để xây dựng các chế độ đãi ngộ, phúc lợi cạnh tranh, thu hút và giữ chân nhân tài.

2

Về chất lượng sản phẩm



- Hiện nay công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm được thực hiện tại các Phòng thí nghiệm của các nhà máy trực thuộc Công ty. Trong đó có Phòng thí nghiệm của Nhà máy Hóa chất Biên Hòa đã được chứng nhận đáp ứng tiêu chuẩn ISO 17025:2017 – Yêu cầu chung về năng lực phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn;
- Các hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng tại các đơn vị Nhà máy trực thuộc Công ty như ISO 9001:2015, ISO 45001:2018, ISO 50001:2018, ISO 17025:2017, PAS 99:2012, giấy chứng nhận HALAL, KOSHER, chứng nhận NSF cho sản phẩm PAC 10% (nay đổi tên thành PAC 10% HB), sản phẩm PAC 31% bột và PAC 30% HB bột dùng trong xử lý nước uống.
- Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000:2018, HACCP.

3

Về công tác quản lý kỹ thuật

Tổ chức sản xuất

Công ty đã thực hiện việc theo dõi, kiểm soát hoạt động sản xuất của các dây chuyền công nghệ, máy móc thiết bị đảm bảo luôn hoạt động trong tình trạng ổn định, đáp ứng yêu cầu sản lượng, chất lượng sản phẩm. Cụ thể, Công ty đã triển khai các hoạt động sau:

- Xây dựng và triển khai các quy trình, quy định về quản lý sản xuất, nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất được thực hiện theo đúng quy định, tiêu chuẩn.
- Tổ chức các đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên chuyên trách về sản xuất, nhằm thực hiện việc theo dõi, kiểm soát hoạt động sản xuất của các dây chuyền công nghệ, máy móc thiết bị.
- Trang bị các thiết bị, công cụ kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm, nhằm đảm bảo sản phẩm được sản xuất ra đạt chất lượng theo yêu cầu.

Quản lý định mức và chất lượng sản phẩm

Công tác quản lý định mức và chất lượng sản phẩm được thực hiện thường xuyên và liên tục. Trong thời gian qua định mức và chất lượng sản phẩm luôn được xây dựng, điều chỉnh phù hợp với hiện trạng và năng lực các dây chuyền sản xuất. Cụ thể, Công ty đã triển khai các hoạt động sau:

- Xây dựng và triển khai các quy trình, quy định về quản lý định mức và chất lượng sản phẩm, nhằm đảm bảo việc quản lý được thực hiện theo đúng quy định, tiêu chuẩn.
- Tổ chức các bộ phận chuyên trách về quản lý định mức và chất lượng sản phẩm, nhằm thực hiện việc xây dựng, điều chỉnh định mức và chất lượng sản phẩm.
- Tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên về định mức và chất lượng sản phẩm, nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng trong việc thực hiện quản lý định mức và chất lượng sản phẩm.

Nhận định tình hình năm 2024:

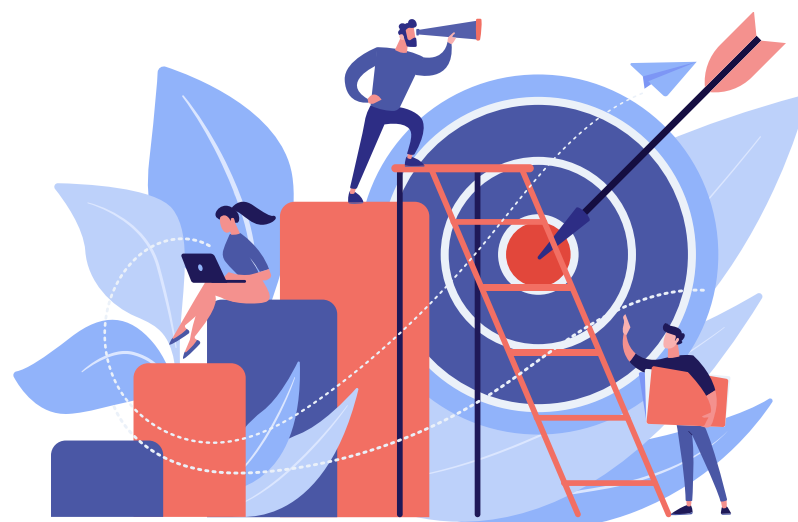
● **Khó khăn**

- Do các yếu tố tác động tiêu cực đến tình hình sản xuất kinh doanh, có khả năng quỹ lương người lao động dự báo sẽ giảm đáng kể trong năm 2024. Điều này sẽ gây khó khăn trong việc ổn định sản xuất, ảnh hưởng tới đời sống người lao động.
- Tình hình địa chính trị thế giới vẫn diễn biến phức tạp, kinh tế thế giới tăng trưởng chậm, lạm phát gia tăng... khiến nhu cầu tiêu dùng giảm ảnh hưởng đến các ngành sản xuất. Giá bán các sản phẩm NaOH, HCl trên thị trường tiếp tục giảm trong thời gian vừa qua dự kiến sẽ gây nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến kế hoạch sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- Một số sản phẩm khác của Công ty như H_3PO_4 , H_2SO_4 ... cũng chịu sự cạnh tranh gay gắt của hàng nhập khẩu giá rẻ và các công ty sản xuất trong nước.
- Một số ngành sản xuất trong nước chưa có dấu hiệu hồi phục như ngành thép, chitin,... Mặt khác do nhu cầu tiêu dùng giảm nên các ngành hóa mỹ phẩm và hóa chất khác cũng giảm sản xuất.
- Xuất khẩu tiếp tục gặp nhiều khó khăn, do gặp phải sự cạnh tranh gay gắt của các mặt hàng cùng loại của Trung Quốc.

● **Thuận lợi**

- Nguồn cung các nguyên vật liệu chính của Công ty như Muối công nghiệp, Lưu huỳnh,... được duy trì ổn định, chất lượng phù hợp. Công ty luôn theo sát tình hình giá vật tư, nguyên vật liệu để có mức giá nhập kho hợp lý, hiệu quả, có lợi cho khâu sản xuất của Công ty.
- Các sản phẩm của Công ty sản xuất đều có chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu khác nhau của khách hàng, chính sách giá và chính sách bán hàng phù hợp nên Công ty luôn duy trì được một lượng khách hàng ổn định.
- Ban Lãnh đạo luôn sâu sát, quan tâm, theo dõi, kịp thời đề xuất những giải pháp điều chỉnh chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh trước những khó khăn về cạnh tranh thương mại và các yếu tố tác động từ nền kinh tế, nhằm mục tiêu duy trì mức tăng trưởng và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Công tác duy tu, sửa chữa được chú trọng đảm bảo ổn định công suất các dây chuyền sản xuất.
- Luôn dự trữ, theo dõi mức tồn kho hợp lý, đảm bảo nguồn nguyên liệu kịp thời phục vụ cho hoạt động sản xuất.





Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024 (*)
Giá trị sản xuất công nghiệp	Tỷ đồng	1.739,676
Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	1.640,126
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tỷ đồng	261,250
Các chỉ tiêu chính Công ty mẹ		
Doanh thu thuần Công ty mẹ	Tỷ đồng	1.290,118
Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ	Tỷ đồng	250,950
Cổ tức	%	10%

(*) Doanh thu hợp nhất đã loại trừ cổ tức dự kiến thu về từ Công ty con là 15 tỷ đồng và doanh thu tài chính là 24,75 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đã loại trừ cổ tức từ Công ty con là 15 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế cộng hợp bao gồm cổ tức là 276,250 tỷ đồng. Tổng doanh thu riêng Công ty mẹ là 1.329,938 tỷ đồng. Cổ tức dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

Giải pháp thực hiện kế hoạch

Giải pháp về tổ chức, nhân sự và phát triển nguồn lực

- Rà soát cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động, cách thức tổ chức sản xuất mới đảm bảo phù hợp với sự phát triển của Công ty trong từng giai đoạn. Tạo dựng môi trường làm việc gắn với “hiệu quả” nhằm thu hút nguồn lực có trình độ, kinh nghiệm làm việc lâu dài cho Công ty.
- Triển khai thực hiện hoạt động đánh giá công việc theo KPI nhằm đánh giá đúng hiệu quả công việc của CBCNV, đề xuất các chế độ khen thưởng hợp lý.
- Thực hiện chính sách điều động, luân chuyển nhân lực một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh theo từng thời điểm.
- Tuyển dụng nhân sự có trình độ, tay nghề, phẩm chất và kinh nghiệm đáp ứng nhu cầu công việc, định hướng phát triển của Công ty. Thực hiện và cải cách các chính sách đãi ngộ đối với người lao động theo hiệu quả công việc, phù hợp với thị trường lao động nội bộ ngành.
- Tăng cường công tác đào tạo, giúp nâng cao năng lực làm việc của CBCNV.
- Cải tiến quy trình, rà soát cập nhật quy chế nội bộ để nâng cao hiệu quả hoạt động.

Giải pháp về Quản lý điều hành

- Tập trung nguồn lực triển khai dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch, sớm di dời các cơ sở sản xuất tại KCN Biên Hòa I sang địa điểm mới.
- Triển khai nhân rộng hình thức làm việc qua nền tảng Base để tối ưu hiệu suất làm việc và cung cấp công cụ quản trị cho Ban Lãnh đạo.
- Tiết giảm tối đa các hoạt động đầu tư, sửa chữa lớn; chi thực hiện các hạng mục thật cần thiết nhằm cắt giảm chi phí.
- Công ty cố gắng khai thác tối ưu công suất các dây chuyền sản xuất để đảm bảo nhu cầu của thị trường.
- Rà soát, tìm kiếm cơ hội nhập khẩu vật tư, nguyên liệu với giá cả hợp lý, các nhà cung cấp uy tín, để đảm bảo đủ nguyên liệu sản xuất, hạ giá thành sản xuất.

Giải pháp về kinh doanh

- Công ty bám sát giá Xút, HCl, tập trung tăng cường đẩy mạnh tiêu thụ HCl, điều chỉnh giá bán Xút phù hợp thị trường, tiếp tục đẩy mạnh tiêu thụ cho Tập đoàn TKV và các đối tác.
- Đa dạng hóa các sản phẩm hiện hữu với các tiêu chuẩn kỹ thuật, nồng độ, chất lượng để phục vụ nhu cầu của khách hàng. Hiện tại, các sản phẩm như Xút, HCl, MgSO₄,... đã được Công ty nghiên cứu sản xuất ở nhiều tiêu chuẩn khác nhau.
- Nghiên cứu sản phẩm mới, nâng cấp chất lượng các sản phẩm hiện hữu.
- Giữ vững mối quan hệ và tập trung vào công tác dịch vụ sau bán hàng đối với các khách hàng hiện hữu, đưa ra các chính sách mua bán hàng phù hợp trong bối cảnh các đối thủ trong và ngoài nước đang cạnh tranh gay gắt về giá.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	78
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	80
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2024	81

Hiệu quả về hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2023, tình hình kinh tế thế giới gặp nhiều thách thức do chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như: Sự nổi lên của xung đột Nga-Ukraina đã đẩy lạm phát tăng cao trên quy mô toàn cầu kể từ cuối năm 2022. Để đối phó, hầu hết các Ngân hàng Trung ương trên thế giới đã thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ, tăng lãi suất, kéo dài suốt hơn 01 năm qua. Các động lực tăng trưởng truyền thống của kinh tế thế giới như thương mại, đầu tư, sản xuất tiếp tục gặp khó khăn. Các nền kinh tế lớn, đối tác thương mại, đầu tư chủ yếu của nước ta phục hồi chậm, thiếu bền vững, tăng trưởng thấp trong khi nhu cầu tiêu dùng còn yếu. Đến nay, lạm phát đã có dấu hiệu hạ nhiệt nhưng vẫn duy trì ở mức cao, dẫn tới xu hướng thắt chặt tiền tệ tiếp diễn ở nhiều nền kinh tế lớn, gây áp lực tỷ giá đối với đồng nội tệ, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu.

Đối mặt với những khó khăn đó, Hội đồng quản trị phối hợp với Ban Tổng Giám đốc luôn sâu sát, triển khai kịp thời, nhất quán các chính sách, đặc biệt là chính sách bán hàng phù hợp khi giá bán các sản phẩm NaOH, HCl trên thị trường liên tục giảm trong thời gian vừa qua tạo sức ép đáng kể cho mục tiêu hoàn thành kế hoạch sản xuất, tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Hội đồng quản trị chủ trương chỉ đạo các công tác đầu tư, sửa chữa lớn sớm hoàn thành theo kế hoạch đề ra nhằm đảm bảo các dây chuyền máy móc thiết bị hoạt động ổn định. Luôn dự trữ, theo dõi mức tồn kho hợp lý, đảm bảo nguồn nguyên liệu kịp thời phục vụ cho hoạt động sản xuất.

Với sự đồng lòng, đoàn kết giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CBCNV đã mang đến kết quả kinh doanh năm 2023 tương đối tích cực trong bối cảnh chung của nền kinh tế: Doanh thu thuần năm 2023 đạt 1.588,44 tỷ đồng, giảm 24,51% so với năm 2022; trong đó Tổng doanh thu riêng Công ty mẹ đạt 1.331,90 tỷ đồng, giảm 15% so với năm 2022 và đạt 85,75% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế năm 2023 riêng Công ty mẹ là 300,9 tỷ đồng, trong đó có 88,53 tỷ đồng cổ tức từ Công ty con, đạt 99,5% kế hoạch được giao và thấp hơn 9,97% so với cùng kỳ năm 2022.

Hoạt động nghiên cứu và phát triển

Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn sự cạnh tranh gay gắt của các đối thủ cùng ngành, Công ty đã có sự lựa chọn chiến lược tạo ra sự khác biệt về sản phẩm của Công ty, cung ứng những sản phẩm mang tính độc đáo và khác biệt cho thị trường; đồng thời có thể mở rộng thị phần do đáp ứng được yêu cầu về sản phẩm chất lượng và khác biệt cho những ngành sản xuất mới, góp phần nâng cao uy tín của Công ty và đáp ứng nhu cầu của khách hàng ngày một đa dạng, cụ thể như sau:

- Tìm hiểu, nghiên cứu nhu cầu riêng các nhóm khách hàng lớn (nông độ, tiêu chuẩn kỹ thuật riêng), sản xuất các dòng sản phẩm đáp ứng yêu cầu của khách hàng.
- Nghiên cứu sản xuất thử nghiệm thành công các dòng sản phẩm axit sunfuric tinh khiết có các tiêu chuẩn, nồng độ đa dạng (32 - 98%); sản phẩm axit chất lượng cao đi từ nguồn khí SO₂ của dây chuyền axit sunfuric kỹ thuật để cung cấp cho các khách hàng với nhu cầu đặc biệt ở nhiều cấp chất lượng khác nhau. Tiến hành đăng ký chứng nhận BIS cho sản phẩm H₃PO₄ phụ gia thực phẩm nhằm mục đích mở rộng thị trường kinh doanh tại Ấn Độ.

- Đăng ký và được cấp chứng nhận NSF cho sản phẩm PAC 17%, hoá chất xử lý nước sử dụng trong các hệ thống, dây chuyền sản xuất thực phẩm; chứng nhận NSF cho sản phẩm PAC 10% (nay đổi tên thành PAC 10% HB), sản phẩm PAC 31% bột và PAC 30% HB bột dùng trong xử lý nước uống.
- Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới có tính khác biệt nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và đa dạng hóa các sản phẩm nhằm đảm bảo tính hiệu quả, góp phần cân bằng sản xuất đặc biệt là các sản phẩm có gốc clo, từ đó tăng hiệu quả sản xuất xút như các chế phẩm TCCA, NaDCC được ứng dụng trong xử lý nước, khử khuẩn, diệt trùng, thời gian hiệu quả khử trùng kéo dài, dễ vận chuyển, bảo quản và sử dụng. Đa dạng hóa danh mục sản phẩm, phục vụ đa dạng ngành nghề và nhu cầu khách hàng như: DEF, Silica, LAS...

Công ty thực hiện các giải pháp sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tiến quy trình sản xuất hiện hữu nhằm tiết giảm chi phí hoạt động, tối ưu năng suất lao động, giảm tiêu hao định mức, sử dụng nguyên liệu thay thế phù hợp nhằm hạ giá thành sản xuất, đảm bảo cạnh tranh được với sản phẩm cùng loại trên thị trường, đáp ứng được các tiêu chuẩn, quy định về an toàn môi trường, ngày càng khắt khe hiện nay.

Hoạt động tổ chức sản xuất

Công ty tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý kỹ thuật gồm đội ngũ cán bộ công nhân kỹ thuật có chuyên môn trình độ cao và kinh nghiệm thực tiễn, nhạy bén tiếp thu những thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến, luôn phát huy khả năng nghiên cứu, sáng tạo, cải tiến, sửa chữa thành công các dây chuyền sản xuất cũ, nâng cao hiệu quả hoạt động và tiết giảm được chi phí, đem lại nhiều lợi ích thiết thực trong hoạt động sản xuất như cải thiện điều kiện làm việc của công nhân sản xuất, giảm lao động chân tay, tiết kiệm chi phí xử lý môi trường, hợp lý hóa quy trình quản lý tài sản cố định, tăng công suất dây chuyền, thay thế thiết bị nhập ngoại bằng thiết bị trong nước giá thành hạ, tuổi thọ cao, giảm giá thành sản xuất sản phẩm, đem lại hiệu quả kinh tế, góp phần vào tăng trưởng của Công ty.

Công ty tiếp tục nỗ lực tìm kiếm nhiều nguồn cung cấp nguyên vật liệu uy tín, chất lượng và giá cả hợp lý nhằm giảm chi phí sản xuất. Tồn trữ nguyên vật liệu phù hợp, dự phòng các nguy cơ giá nguyên vật liệu leo thang, chuỗi cung ứng bị gián đoạn; công tác kiểm kê nguyên vật liệu, đánh giá nhà cung cấp được triển khai định kỳ.

Duy trì thực hiện các hoạt động sửa chữa, đầu tư, mua sắm mới một số thiết bị công nghệ để thay thế các thiết bị đã hư hỏng, xuống cấp, không đáp ứng yêu cầu công nghệ, bổ sung năng lực thiết bị ở một vài công đoạn sản xuất để đảm bảo các dây chuyền hoạt động ổn định, tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh ở các Nhà máy.



Hội đồng quản trị Công ty thường xuyên theo dõi sát sao, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty cũng như Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty.

Trong một năm hoạt động với nhiều thách thức của môi trường vĩ mô, Ban Tổng Giám đốc đã đoàn kết, nỗ lực vượt khó, đưa ra các giải pháp điều hành phù hợp, kịp thời, mang lại kết quả kinh doanh khá tốt, thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết/Quyết định của ĐHCĐ và HĐQT.

Ban Tổng Giám đốc đã giám sát, phân bổ nguồn vốn đầu tư hiệu quả, đảm bảo tài sản đem lại mức sinh lời cao cho Công ty, đồng thời đề xuất các điều chỉnh về kế hoạch đầu tư trong tương lai.

Ban Tổng Giám đốc đã tích cực đề xuất và phối hợp chặt chẽ với HĐQT để xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Công ty.

Chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo và phân bổ nguồn lực để triển khai Dự án nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch.

Về hoạt động sản xuất kinh doanh

- Chủ động tiếp cận nhiều nhà cung cấp nguyên vật liệu, đa dạng hóa nguồn cung, hạn chế rủi ro thiếu hụt nguyên vật liệu đầu vào.
- Công ty bám sát giá thị trường các sản phẩm chính, có chính sách điều chỉnh giá bán phù hợp để ổn định và mở rộng thị phần.
- Tiếp tục đẩy mạnh tiêu thụ cho Tập đoàn TKV và các đối tác.
- Tiết giảm tối đa các hoạt động đầu tư, sửa chữa lớn; chỉ thực hiện các hạng mục thật cần thiết nhằm cắt giảm chi phí.
- Đa dạng hóa các sản phẩm hiện hữu với các tiêu chuẩn kỹ thuật, nồng độ, chất lượng để phục vụ các nhu cầu khác nhau của khách hàng. Hiện tại, các sản phẩm như Xút, HCl, MgSO₄... đã được Công ty nghiên cứu sản xuất ở nhiều tiêu chuẩn khác nhau.
- Nghiên cứu sản phẩm mới, nâng cấp chất lượng các sản phẩm hiện hữu.
- Cải tiến quy trình, quy chế nội bộ để nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Triển khai nhân rộng hình thức làm việc qua các nền tảng công nghệ mới, hỗ trợ cho công tác quản trị.
- Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng cáo; nghiên cứu các công cụ quảng cáo mới theo xu hướng hiện đại, bên cạnh các công cụ truyền thống.
- Giữ vững mối quan hệ và tập trung vào công tác dịch vụ sau bán hàng đối với các khách hàng hiện hữu, đưa ra các chính sách mua bán hàng phù hợp trong bối cảnh các đối thủ trong và ngoài nước đang cạnh tranh gay gắt về giá.
- Công ty cố gắng khai thác tối ưu công suất các dây chuyền sản xuất để đảm bảo nhu cầu của thị trường.

Về hoạt động của HĐQT

Trong năm 2024, HĐQT quyết định tiếp tục định hướng quản trị sau:

- Thực hiện và đảm bảo hoạt động của HĐQT tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.
- Đảm bảo hoạt động của HĐQT luôn dựa trên lợi ích tốt nhất cho cổ đông và Công ty. Đảm bảo quyền lợi của các cổ đông theo đúng các quy định của pháp luật.
- Thực hiện đầy đủ các cuộc họp, trao đổi định kỳ đều đặn, nắm bắt kịp thời hoạt động kinh doanh của Công ty, chỉ đạo kịp thời đảm bảo việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh mà ĐHCĐ giao.
- Tiếp tục cải tiến hoàn thiện bộ máy HĐQT đáp ứng theo yêu cầu của quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng cũng như tiến tới chuẩn mực quốc tế.
- Tiếp tục hoàn thiện và triển khai công tác kiểm toán nội bộ theo đúng quy định pháp luật.
- Đảm bảo quyền lợi của các cổ đông theo đúng các quy định của pháp luật.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị 84

Ban Kiểm soát 94

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát 97

Thành phần và cơ cấu Hội đồng quản trị

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam luôn mong muốn vươn tới các thông lệ quản trị tốt nhất. Với kinh nghiệm đa dạng và chuyên sâu trong lĩnh vực hóa chất, tài chính-kinh doanh, các thành viên HĐQT đã thảo luận và tư vấn nhiều vấn đề của Công ty một cách dân chủ, minh bạch, khoa học, kịp thời đưa ra các giải pháp để đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông và các bên liên quan.

Hội đồng quản trị Công ty luôn đảm bảo tính độc lập với 01 thành viên độc lập (20%) là Bà Nguyễn Thanh Bình, 03 thành viên không điều hành và 01 thành viên điều hành.

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện sở hữu		Sở hữu cá nhân	
			Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Chủ tịch HĐQT	11.051.000	25%	0	0%
2	Ông Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	8.840.000	20%	1.700	0,004%
3	Ông Lê Phương Đông	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0%	0	0%
4	Bà Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT độc lập	0	0%	6.000	0,014%
5	Ông Vũ Minh Ngọc	Thành viên HĐQT không điều hành	8.840.000	20%	0	0%

Danh sách thay đổi thành viên Hội đồng quản trị trong năm

Trong năm 2023, Công ty không có thay đổi nhân sự HĐQT.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty không thành lập các tiểu ban.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức 8 cuộc họp trực tiếp và các lần lấy ý kiến bằng văn bản. Theo đó, HĐQT đã ban hành 87 Nghị quyết, Quyết định thông qua nhiều kế hoạch và điều chỉnh quan trọng đối với hoạt động và sự phát triển của Công ty. Nội dung cụ thể như sau:

Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Tuấn Dũng	8/8	100%	
2	Ông Lê Thanh Bình	8/8	100%	
3	Ông Lê Phương Đông	8/8	100%	
4	Bà Nguyễn Thanh Bình	7/8	87,5%	Vắng 1 buổi có lý do: có ủy quyền bằng văn bản
5	Ông Vũ Minh Ngọc	7/8	87,5%	Vắng 1 buổi có lý do: có ủy quyền bằng văn bản



Nội dung và kết quả của các cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	71/NQ-HĐQT	16/01/2023	Nghị quyết kỳ họp thứ 31, nhiệm kỳ 2019-2024.
02	80/NQ-HĐQT	17/01/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt Báo cáo tình hình quản trị năm 2022 Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
03	141/NQ-HĐQT	10/02/2023	Nghị quyết về việc thông qua chủ trương triển khai quy trình bổ nhiệm lại có thời hạn chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Võ Đình Thùy (Kỳ họp thứ 32, nhiệm kỳ 2019 - 2024).
04	142/NQ-HĐQT	10/02/2023	Nghị quyết về việc thông qua chủ trương triển khai quy trình bổ nhiệm lại có thời hạn chức vụ Kế toán trưởng Công ty đối với Bà Phạm Thị Thu Hằng (Kỳ họp thứ 32, nhiệm kỳ 2019 - 2024).
05	145/NQ-HĐQT	10/02/2023	Nghị quyết về việc thông qua Kế hoạch triển khai quy trình bổ nhiệm lại có thời hạn chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với Ông Võ Đình Thùy, chức vụ Kế toán trưởng Công ty đối với Bà Phạm Thị Thu Hằng (Kỳ họp thứ 32, nhiệm kỳ 2019 - 2024).
06	148/NQ-HĐQT	10/02/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt chủ trương triển khai quy trình bổ nhiệm có thời hạn chức vụ Giám đốc Nhà máy Hóa chất Biên Hòa (Kỳ họp thứ 32, nhiệm kỳ 2019 - 2024).
07	161/NQ-HĐQT	10/02/2023	Nghị quyết về việc kết quả kiểm toán nội bộ năm 2022 Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam (Kỳ họp thứ 32, nhiệm kỳ 2019 - 2024).
08	177/NQ-HĐQT	17/02/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt các nội dung liên quan đến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam.
09	232/NQ-HĐQT	01/03/2023	Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
10	267/NQ-HĐQT	08/03/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt phương án xử lý tài chính khoản nợ phải thu khó đòi đối với Công ty TNHH Phúc An Yên Bình.
11	363/NQ-HĐQT	30/03/2023	Nghị quyết về việc Bổ nhiệm lại có thời hạn chức vụ Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam (Kỳ họp thứ 33, nhiệm kỳ 2019-2024).
12	367/NQ-HĐQT	30/03/2023	Nghị quyết về việc nhận xét, đánh giá Ban Tổng Giám đốc và Người đại diện vốn Công ty năm 2022.
13	374/NQ-HĐQT	30/03/2023	Nghị quyết về việc thông qua tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam năm 2023 (đợt 1) (Kỳ họp thứ 33, nhiệm kỳ 2019-2024).
14	414/NQ-HĐQT	07/04/2023	Nghị quyết về việc thông qua tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (đợt 2).
15	448/NQ-HĐQT	18/04/2023	Nghị quyết kỳ họp thứ 34, nhiệm kỳ 2019 – 2024.

Nội dung và kết quả của các cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
16	451/NQ-HĐQT	18/04/2023	Nghị quyết về việc triển khai rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam giai đoạn 2021-2026.
17	542/NQ-HĐQT	17/05/2023	Nghị quyết về việc chi trả cổ tức năm 2022 (đợt 2) bằng tiền.
18	551/NQ-HĐQT	22/05/2023	Nghị quyết Kỳ họp thứ 35 - Nhiệm kỳ 2019 - 2024 (Về việc đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch - Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam).
19	596/NQ-HĐQT	02/06/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
20	683/NQ-HĐQT	04/07/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt chủ trương triển khai quy trình bổ nhiệm lại có thời hạn chức vụ Trưởng phòng Đầu tư - Xây dựng Công ty.
21	712/NQ-HĐQT	12/07/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt nội dung cam kết thực hiện di dời các nhà máy tại KCN Biên Hòa 1 và điều chỉnh tiến độ vốn góp thực hiện Dự án để bổ sung hồ sơ điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch.
22	733/NQ-HĐQT	17/07/2023	Nghị quyết Kỳ họp thứ 36, nhiệm kỳ 2019 – 2024.
23	806/NQ-HĐQT	28/07/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt Báo cáo tình hình quản trị công ty 06 tháng đầu năm 2023 Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
24	830/NQ-HĐQT	01/08/2023	Nghị quyết về việc chi trả cổ tức năm 2022 đợt 3 bằng tiền.
25	880/NQ-HĐQT	15/08/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt chủ trương thành lập Phòng Cung ứng - Nhà máy Hóa chất Biên Hòa.
26	909/NQ-HĐQT	23/08/2023	Nghị quyết về việc chấp thuận chủ trương ký kết Hợp đồng giao dịch giữa Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam với "Người có liên quan".
27	928/NQ-HĐQT	29/08/2023	Nghị quyết về việc chấp thuận chủ trương ký kết Hợp đồng giao dịch giữa Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam với "Người có liên quan".
28	995/NQ-HĐQT	15/09/2023	Nghị quyết về việc thực hiện các nội dung kiến nghị của Ban Kiểm soát Công ty tại Thông báo số 981/2023/TB - BKS ngày 12 tháng 9 năm 2023.
29	1085/NQ-HĐQT	19/10/2023	Nghị quyết họp HĐQT, Kỳ họp thứ 37 - Nhiệm kỳ 2019 – 2024.
30	1190/NQ-HĐQT	30/11/2023	Nghị quyết về việc tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền.

Nội dung và kết quả của các cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
31	1207/NQ-HĐQT	05/12/2023	Nghị quyết họp HĐQT, Kỳ họp thứ 38 - Nhiệm kỳ 2019 – 2024.
32	1220/NQ-HĐQT	08/12/2023	Nghị quyết về việc chấp thuận chủ trương ký kết các Hợp đồng giao dịch giữa Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam và "Người có liên quan" năm 2024.
33	1266/NQ-HĐQT	21/12/2023	Nghị quyết về việc lùi thời gian tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền.
34	24/QĐ-HĐQT	06/01/2023	Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật của dự án “Đầu tư thiết bị phòng thí nghiệm” thuộc kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022”.
35	44/QĐ-HĐQT	12/01/2023	Quyết định về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật của dự án “Đầu tư thiết bị phòng thí nghiệm”.
36	66/QĐ-HĐQT	13/01/2023	Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành “Mua sắm thiết bị trao đổi nhiệt khí”.
37	67/QĐ-HĐQT	13/01/2023	Quyết định về việc phê duyệt thanh lý tài sản cố định hư hỏng, không còn sử dụng được (Hạng mục "Tuốc bin hơi" thuộc Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2).
38	72/QĐ-HCCB	16/01/2023	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2023.
39	73/QĐ-HĐQT	16/01/2023	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch sửa chữa tài sản cố định năm 2023.
40	74/QĐ-HĐQT	16/01/2023	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch đoàn đi nước ngoài năm 2023 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
41	77/QĐ-HĐQT	16/01/2023	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành “Mua sắm thiết bị trao đổi nhiệt khí”.
42	159/QĐ-HĐQT	10/02/2023	Quyết định về việc ban hành Quy chế Quản lý dự án đầu tư trong Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
43	185/QĐ-HĐQT	20/02/2023	Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
44	186/QĐ-HĐQT	20/02/2023	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Gói thầu số 07 “Thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi” Thuộc giai đoạn chuẩn bị dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch”.
45	215/QĐ-HĐQT	27/02/2023	Quyết định về việc ban hành "Kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2023 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam”.

Nội dung và kết quả của các cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
46	216/QĐ-HĐQT	27/02/2023	Quyết định về việc phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
47	268/QĐ-HĐQT	08/03/2023	Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành "Mua sắm xe xúc lật bánh lốp".
48	281/QĐ-HĐQT	13/03/2023	Quyết định về việc ban hành Danh mục định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu trong sản xuất năm 2023 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
49	282/QĐ-HĐQT	13/03/2023	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành "Mua sắm xe xúc lật bánh lốp".
50	283/QĐ-HĐQT	13/03/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch đoàn đi công tác nước ngoài (Malaysia và Singapore).
51	300/QĐ-HĐQT	16/03/2023	Quyết định về việc cử cán bộ đi công tác nước ngoài tại Malaysia và Singapore, ông Đỗ Trung Hiếu - Phó Tổng Giám đốc Công ty.
52	312/QĐ-HĐQT	20/03/2023	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh dự án “Đầu tư thiết bị ép lọc PAC”.
53	364/QĐ-HĐQT	30/03/2023	Quyết định về việc bổ nhiệm lại có thời hạn chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
54	365/QĐ-HĐQT	30/03/2023	Quyết định về việc bổ nhiệm lại có thời hạn chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
55	425/QĐ-HĐQT	11/04/2023	Quyết định về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật của dự án "Mua sắm xe đưa rước công nhân".
56	515/QĐ-HĐQT	08/05/2023	Quyết định về việc chi thưởng tập thể Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban Kiểm soát năm 2022.
57	519/QĐ-HĐQT	10/05/2023	Quyết định về việc cử cán bộ đi công tác nước ngoài.
58	573/QĐ-HĐQT	29/05/2023	Quyết định Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
59	612/QĐ-HĐQT	12/06/2023	Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật và Tổ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với các dự án có Tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng.
60	635/QĐ-HĐQT	20/06/2023	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành “Mua sắm máy nén khí”.

Nội dung và kết quả của các cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
61	668/QĐ-HĐQT	30/06/2023	Quyết định về việc ban hành “Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam”.
62	710/QĐ-HĐQT	12/07/2023	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án “Mua sắm quạt gió cấp không khí cho dây chuyền axit”.
63	737/QĐ-HĐQT	17/07/2023	Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam giai đoạn 2021 – 2026 (Kỳ rà soát 2023).
64	802/QĐ-HĐQT	28/07/2023	Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động khoa học kỹ thuật và sáng kiến, tiết kiệm của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam (Sửa đổi, bổ sung lần 1).
65	819/QĐ-HĐQT	31/07/2023	Quyết định về việc ban hành Quy chế Bảo đảm an toàn vận hành khai thác các bình điện phân DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa (Sửa đổi, bổ sung lần 1).
66	820/QĐ-HĐQT	31/07/2023	Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý tài sản cố định Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
67	821/QĐ-HĐQT	31/07/2023	Quyết định về việc ban hành Quy chế Người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam đầu tư tại doanh nghiệp khác.
68	822/QĐ-HĐQT	31/07/2023	Quyết định về việc ban hành Quy chế Quản lý Công tác sửa chữa tài sản cố định của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
69	852/QĐ-HĐQT	08/08/2023	Quyết định về việc ban hành Quy chế bán hàng của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam (Sửa đổi, bổ sung lần 2).
70	915/QĐ-HĐQT	24/08/2023	Quyết định về việc phê duyệt dừng thực hiện dự án "Mua sắm xe đưa rước công nhân".
71	960/QĐ-HĐQT	31/08/2023	Quyết định về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Nhà máy Hóa chất Biên Hòa - Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam (Sửa đổi, bổ sung lần 1).
72	973/QĐ-HĐQT	07/09/2023	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành "Mua sắm hệ thống sản xuất nước lạnh chiller".
73	993/QĐ-HĐQT	15/09/2023	Quyết định về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam (Sửa đổi, bổ sung lần 1).
74	994/QĐ-HĐQT	15/09/2023	Quyết định về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Nhà máy Hóa chất Đồng Nai - Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam (Sửa đổi, bổ sung lần 1).
75	1000/QĐ-HĐQT	18/09/2023	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành "Mua sắm thiết bị làm nguội NaOH 32% cho bình điện phân BM2.7 Gen 6".

Nội dung và kết quả của các cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
76	1011/QĐ-HĐQT	20/09/2023	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành "Mua sắm máy phân cực cho bình điện phân BM2.7".
77	1029/QĐ-HĐQT	27/09/2023	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành "Mua sắm máy nén lạnh".
78	1046/QĐ-HĐQT	05/10/2023	Quyết định về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Chi nhánh Tân Bình - Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
79	1073/QĐ-HĐQT	16/10/2023	Quyết định về việc cử cán bộ đi công tác nước ngoài.
80	1075/QĐ-HĐQT	16/10/2023	Quyết định về việc ban hành Quy chế mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh và duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam (Sửa đổi, bổ sung lần 3).
81	1141/QĐ-HĐQT	14/11/2023	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2023 (điều chỉnh) và lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán nội bộ năm 2023 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
82	1166/QĐ-HĐQT	24/11/2023	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành “Đầu tư thiết bị phản ứng PAC 10m3”.
83	1208/QĐ-HĐQT	05/12/2023	Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật và Tổ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với các dự án có Tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng.
84	1227/QĐ-HĐQT	12/12/2023	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành “Đầu tư thiết bị phòng thí nghiệm”.
85	1240/QĐ-HĐQT	13/12/2023	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành “Đầu tư thiết bị ép lọc PAC”.
86	1265/QĐ-HĐQT	21/12/2023	Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm định dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu giai đoạn chuẩn bị dự án lần 03 thuộc dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch”.
87	1300/QĐ-HĐQT	27/12/2023	Quyết định về việc về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án lần 03 thuộc dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch”.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Trong năm 2023, thành viên HĐQT độc lập đã luôn lấy tính minh bạch, khách quan trong công việc làm phương châm hoạt động, góp phần hạn chế, phòng ngừa và kiểm soát rủi ro trong mọi hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, thành viên HĐQT độc lập cũng đóng góp một phần không nhỏ trong việc nâng cao hiệu quả chất lượng các quyết định của HĐQT bằng cách phản biện các định hướng, kế hoạch kinh doanh, đóng góp tư vấn mang tính chiến lược và sâu sắc, đồng thời theo dõi sát sao hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Kết quả đánh giá của Thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT trong năm 2023:

- Tất cả các vấn đề quan trọng đều được thảo luận công khai, dân chủ trong HĐQT. Các vấn đề được đánh giá, thảo luận thấu đáo, cân trọng để đi đến quyết định thống nhất trước khi ra Nghị quyết. Ban điều hành luôn bám sát và thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành.
- Hội đồng quản trị đã không ngừng cập nhật, cải thiện hoạt động của mình nhằm hướng đến các chuẩn mực quốc tế về Quản trị công ty, đặc biệt trong năm HĐQT đã thuê đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ đúng theo quy định. Nhờ vậy, các giải pháp quản trị được thực hiện một cách linh hoạt, hợp lý, đảm bảo quyền lợi của cổ đông.
- Hội đồng quản trị đã tuân thủ quy định về thẩm quyền phê duyệt, theo dõi và thuyết minh giao dịch giữa Công ty và người nội bộ Công ty; người có liên quan của người nội bộ với Công ty, Công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát. Các giao dịch này đã được công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật. Công tác giám sát, quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Các thành viên trong Ban Lãnh đạo thường xuyên tham gia các chương trình về Quản trị Công ty nhằm phát huy năng lực hoạt động, sự đóng góp đối với quá trình hoạt động của Công ty. Ý thức được vai trò quyết định của đội ngũ lãnh đạo, công tác đào tạo các chứng chỉ, chương trình về quản trị luôn được Công ty chú trọng. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về QTCT:

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày cấp	Nơi nhận
1	Ông Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	05/2014	Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo Chứng khoán
2	Ông Lê Phương Đông	Thành viên HĐQT không điều hành	05/2014	Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo Chứng khoán
3	Bà Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT độc lập	05/2014	Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo Chứng khoán

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện sở hữu		Sở hữu cá nhân	
			Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Đỗ Thị Thoa	Trưởng BKS	0	0%	0	0%
2	Bà Nguyễn Thị Minh Hà	Thành viên BKS	0	0%	0	0%
3	Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên BKS	0	0%	0	0%

Thay đổi thành viên BKS trong năm: Không có

Số lượng các cuộc họp Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự họp
1	Bà Đỗ Thị Thoa	Trưởng BKS	02	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Minh Hà	Thành viên BKS	02	100%	
3	Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên BKS	02	100%	

Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát đã triển khai tổ chức họp định kỳ, lấy phiếu ý kiến, trao đổi trực tiếp và gián tiếp để xem xét, đánh giá hoạt động quản trị, điều hành sản xuất kinh doanh của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc.

- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 và các Nghị quyết của HĐQT.
- Giám sát tính trung thực của Báo cáo tài chính của Công ty và công bố thông tin liên quan đến kết quả tài chính của Công ty nhằm bảo vệ lợi ích cao nhất cho Công ty và cổ đông.
- Rà soát các giao dịch với người có liên quan đảm bảo tuân thủ các quy định và Điều lệ Công ty.
- Đề xuất danh sách Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Tham gia các cuộc họp định kỳ của HĐQT, qua đó nắm bắt kịp thời và đưa ra kiến nghị về hoạt động quản trị, điều hành đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Kết quả giám sát đối với HĐQT

- Trong kỳ, HĐQT thực hiện tốt vai trò của mình trong việc duy trì hoạt động và tổ chức các cuộc họp, tiến hành biểu quyết thông qua các quyết định phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Các thành viên HĐQT tham gia và ủy quyền tham dự các cuộc họp trực tiếp, cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, đưa ra các định hướng, chiến lược và chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát thường xuyên đối với các hoạt động của Công ty để Ban Tổng Giám đốc thực hiện điều hành phù hợp với quy định, chính sách của Công ty.



- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 và các Nghị quyết của HĐQT.
- Theo dõi việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.
- Giám sát việc thực hiện Công bố thông tin định kỳ và bất thường.
- Giám sát các hoạt động đảm bảo Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc

- Ban Kiểm soát đánh giá công tác kiểm tra giám sát cũng như công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc Công ty nhìn chung đã tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật hiện hành. Tại thời điểm báo cáo, BKS chưa nhận được ý kiến, góp ý của cổ đông về các hoạt động quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

Hoạt động của Ban kiểm soát

Đối với cổ đông

Rà soát việc thực hiện quyền của cổ đông trong các kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 và giám sát hoạt động công bố thông tin để đảm bảo cổ đông được đối xử công bằng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông.

Hoạt động khác của BKS

Ban kiểm soát giám sát và đánh giá toàn bộ tính hợp lệ của các đợt chi trả cổ tức năm 2022 trong năm 2023, đảm bảo tính tuân thủ theo quy định của Nhà nước và tỷ lệ chi trả được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua.

Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của Công ty kiểm toán độc lập, tính hữu hiệu và hiệu quả trong quá trình kiểm toán.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

Kết thúc năm 2023, BKS đã tích cực phối hợp với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc theo sát việc ban hành và triển khai cũng như đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc phối hợp chặt chẽ để kịp thời giải quyết các vướng mắc trong quá trình kiểm tra kiểm soát của Ban kiểm soát.

Ban Kiểm soát được HĐQT, Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Việc phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban điều hành và các cổ đông của Công ty luôn đảm bảo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định của Công ty và vì lợi ích của cổ đông. BKS tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến, trao đổi các nội dung được thảo luận trong phiên họp; được Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp đầy đủ, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho hoạt động của BKS.



STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng lương	Tổng thù lao	Thưởng	Các khoản lợi ích khác
I Hội đồng quản trị						
1	Nguyễn Tuấn Dũng	Chủ tịch HĐQT	0	120.000.000	60.000.000	39.500.000
2	Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT kiêm TGD	594.097.222	96.000.000	60.000.000	227.501.173
3	Lê Phương Đông	Thành viên HĐQT	0	96.000.000	35.000.000	0
4	Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT	0	96.000.000	35.000.000	34.500.000
5	Vũ Minh Ngọc	Thành viên HĐQT	0	96.000.000	35.000.000	34.500.000
II Ban kiểm soát						
1	Đỗ Thị Thoa	Trưởng BKS	440.231.955	0	35.000.000	253.857.178
2	Nguyễn Thị Minh Hà	Thành viên BKS	0	72.000.000	25.000.000	33.500.000
3	Nguyễn Minh Trí	Thành viên BKS	0	72.000.000	25.000.000	0
III Ban điều hành						
1	Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT kiêm TGD	Thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác đã được trình bày tại mục I.2 Bảng này.			
2	Đỗ Trung Hiếu	Phó TGD	490.887.079	0	45.000.000	285.984.226
3	Võ Đình Thùy	Phó TGD	490.775.329	0	45.000.000	282.457.054
4	Lê Tùng Lâm	Phó TGD	500.909.914	0	45.000.000	281.566.165
5	Phạm Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng	438.856.195	0	40.000.000	275.545.141

STT	Thành viên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Phạm Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng	1.050	0,002%	850	0,002	Bán

Hợp đồng hoặc giao dịch với người có liên quan

Tên tổ chức	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH
Công ty Cổ phần Bột giặt NET	Công ty do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam sở hữu dưới 50% vốn điều lệ.	3600642822
Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC VINA		3600248368
Công ty Cổ phần PinẮc quy miền Nam		0311245718
Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	Công ty cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	0301444263
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ		1800155438
Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ - Que hàn		0300422482-002
Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam	Công ty con của CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam	5300433116
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	Công ty cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	0200827051
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ	0100100061
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	Công ty cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	0300430500



Trụ sở chính	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (đã bao gồm thuế GTGT) (ĐVT: đồng)	Ghi chú
Đường D4, KCN Lộc An - Bình Sơn, Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai			59.706.808.260	Giao dịch bán
KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai			1.794.481.140	Giao dịch bán
321 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1, TP Hồ Chí Minh			5.870.295.260	Giao dịch bán
Số 3, Đường số 2, Khu Phố 4- P.Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.	Năm 2023	1274/NQ-HĐQT ngày 26/12/2022	33.687.269.680 315.194.131	Giao dịch bán Giao dịch mua
Khu CN Trà Nóc 1, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.			5.089.080.200	Giao dịch bán
Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 2, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai			29.376.000 94.945.594	Giao dịch bán Giao dịch mua
KCN Tăng Loong, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai			14.169.907.999 56.441.961.216	Giao dịch bán (gia công) Giao dịch mua
Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng	Năm 2023	909/NQ-HĐQT ngày 23/08/2023	1.210.363.128	Giao dịch bán
1A Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội	Năm 2023	1274/NQ-HĐQT ngày 26/12/2022	1.706.899.092	Giao dịch mua
125B Cách mạng Tháng 8, P.5, Quận 3, TP. HCM	Năm 2023	928/NQ-HĐQT ngày 29/8/2023	1.908.369.375 3.351.322.629	Giao dịch mượn hàng Giao dịch cho mượn hàng

Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam thực hiện nghiêm ngặt các quy định của pháp luật có liên quan đến quản trị công ty, bao gồm các quy định quản trị riêng đối với công ty niêm yết. Ngoài ra, để nâng cao chất lượng quản trị, Công ty đã xây dựng mô hình quản trị dựa trên những yếu tố cốt lõi sau:

CÔNG BẰNG

Bảo vệ quyền lợi của cổ đông và đảm bảo sự đối xử công bằng đối với mọi cổ đông, kể cả cổ đông thiểu số và cổ đông nước ngoài.

MINH BẠCH

Đảm bảo các thông tin trọng yếu và liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty được công bố kịp thời, đầy đủ trên các phương tiện như website, kênh truyền thông đại chúng,...

HIỆU QUẢ

HDQT của Công ty có kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn đa dạng các lĩnh vực như quản trị kinh doanh, tài chính, luật, quản lý rủi ro và kinh doanh quốc tế. Điều này đảm bảo vai trò lãnh đạo hiệu quả của HDQT, đảm bảo lợi nhuận và sự bền vững của Công ty.

TRÁCH NHIỆM

Công ty quy định rõ ràng vai trò, trách nhiệm của HDQT. Đồng thời các thành viên HDQT cam kết làm đúng, đủ với quyền và nghĩa vụ của mình, luôn hành động vì lợi ích cao nhất và lâu dài của Công ty.

Giải pháp tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

**Kế hoạch đào tạo, quản trị Công ty:**

Các thành viên HDQT tích cực tham gia các chương trình đào tạo về quản trị công ty. Ngoài các thành viên đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty, các thành viên còn lại của HDQT, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành sẽ sắp xếp tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty trong thời gian tới.

Quản trị nhân sự:

Định hướng phát triển của Công ty là tăng cường sử dụng các ứng dụng công nghệ trong quản trị nhân sự để nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác quản lý nhân sự.

Quản trị chất lượng sản phẩm:

- Tiếp tục thực hiện công tác duy trì, cải tiến, đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng tại các đơn vị kịp thời và có hiệu quả.
- Thực hiện việc cập nhật, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, thay thế các nội dung trong Hệ thống quản lý chất lượng của các đơn vị sản xuất phù hợp với các tiêu chuẩn hiện hành.
- Mở rộng và áp dụng các hệ thống quản lý, tiêu chuẩn mới, nâng cao uy tín, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất của Công ty.

Thường xuyên đánh giá các thay đổi của quy phạm pháp luật để đảm bảo hoạt động quản trị Công ty tuân thủ tuyệt đối, đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan.

Thông qua hoạt động trao đổi định kỳ với Ban Điều hành và các bên liên quan để nắm bắt các yêu cầu của bên liên quan nhằm đáp ứng phù hợp.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất	108
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	110
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	111
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	113

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Chủ tịch
Ông Lê Thanh Bình	Thành viên
Ông Lê Phương Đông	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Bình	Thành viên
Ông Vũ Minh Ngọc	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Lê Thanh Bình	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Trung Hiếu	Phó Tổng giám đốc
Ông Võ Đình Thủy	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Túng Lâm	Phó Tổng giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo là Ông Lê Thanh Bình – Tổng Giám đốc.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho,

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM



Lê Thanh Bình

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26/01/2024, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 14/03/2023.



Huỳnh Văn Dũng

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0047-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho,

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (VAE)

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh

Au Dương Uyển Phấn

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1347-2023-034-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.303.628.520.779	1.247.956.593.498
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	107.049.568.199	190.336.792.912
1. Tiền	111		67.049.568.199	56.336.792.912
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000.000	134.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	540.000.000.000	335.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		540.000.000.000	335.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		236.129.473.537	287.823.788.855
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	222.013.088.351	275.922.756.145
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	4.373.253.256	4.680.445.161
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.a	12.598.831.024	10.872.500.845
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3.	(2.855.699.094)	(3.651.913.296)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7.	365.525.221.996	381.683.099.438
1. Hàng tồn kho	141		368.697.944.818	391.786.132.335
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.172.722.822)	(10.103.032.897)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		54.924.257.047	53.112.912.293
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.a	1.867.745.657	3.098.099.801
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		49.711.717.327	48.055.842.499
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.b	3.344.794.063	1.958.969.993
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		418.326.863.474	470.462.489.630
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		526.000.000	1.204.561.439
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.b	526.000.000	1.204.561.439
II. Tài sản cố định	220		78.441.761.409	122.892.641.759
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9.	76.685.790.028	120.790.359.527
- Nguyên giá	222		1.105.562.293.961	1.088.599.267.994
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.028.876.503.933)	(967.808.908.467)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10.	1.755.971.381	2.102.282.232
- Nguyên giá	228		6.393.560.256	6.393.560.256
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.637.588.875)	(4.291.278.024)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8.	1.370.795.524	405.942.390
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.370.795.524	405.942.390
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		337.988.306.541	345.959.344.042
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.b	325.130.280.256	337.178.476.174
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17.	12.858.026.285	8.780.867.868
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 – 100 + 200)	270		1.721.955.384.253	1.718.419.083.128

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		285.728.284.256	289.501.873.256
I. Nợ ngắn hạn	310		285.728.284.256	289.501.873.256
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	32.287.928.990	23.099.553.136
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		334.389.140	2.466.760.311
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.a	56.072.724.622	17.580.918.239
4. Phải trả người lao động	314		36.586.149.354	45.571.349.605
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14.	13.237.133.794	12.012.548.557
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.	7.595.120.334	47.959.131.831
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15.	100.916.072.136	126.379.730.158
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	4.088.824.236
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		38.698.765.886	10.343.057.183
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.436.227.099.997	1.428.917.209.872
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18.	1.436.227.099.997	1.428.917.209.872
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		442.000.000.000	442.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		442.000.000.000	442.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.506.484	9.506.484
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		22.951.530.000	22.951.530.000
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(25.413.193.278)	(25.413.193.278)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		645.888.370.836	564.868.318.538
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		11.949.121.722	11.949.121.722
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		292.365.755.644	333.757.881.736
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		108.227.235.701	39.519.327.998
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		184.138.519.943	294.238.553.738
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		46.476.008.589	78.794.044.670
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 – 300 + 400)	440		1.721.955.384.253	1.718.419.083.128

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Ngọc Lan Anh

Phạm Thị Thu Hằng

Lê Thanh Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	1.588.441.460.119	2.104.285.557.537
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	33.842.977
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.588.441.460.119	2.104.251.714.560
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	1.179.289.843.166	1.444.081.143.048
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		409.151.616.953	660.170.571.512
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	40.494.040.277	21.468.092.710
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	4.830.027.491	8.044.142.219
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.248.347.288	2.927.188.592
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6.	82.664.123.071	84.802.258.584
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6.	77.417.859.086	78.619.006.358
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		284.733.647.582	510.173.257.061
12. Thu nhập khác	31	VI.5.	4.280.346.822	639.051.826
13. Chi phí khác	32		164.918.773	81.799.250
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		4.115.428.049	557.252.576
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		288.849.075.631	510.730.509.637
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8.	62.306.988.465	106.735.424.048
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(4.077.158.417)	(3.918.940.009)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		230.619.245.583	407.914.025.598
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		209.138.519.943	354.438.553.738
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		21.480.725.640	53.475.471.860
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9.	4.166	7.134

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Ngọc Lan Anh

Phạm Thị Thu Hằng

Lê Thanh Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		288.849.075.631	510.730.509.637
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		61.413.906.317	63.519.546.280
- Các khoản dự phòng	03		(11.815.348.513)	4.962.566.937
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(133.239.601)	862.453.927
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(35.945.351.764)	(18.536.315.211)
- Chi phí lãi vay	06		4.248.347.288	2.927.188.592
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		306.617.389.358	564.465.950.162
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		52.124.474.642	(46.865.976.080)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		23.088.187.517	(49.092.827.084)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		9.199.920.808	(86.195.709.926)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		13.278.550.062	10.803.224.260
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.311.514.475)	(2.855.557.405)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(38.512.344.344)	(108.966.745.056)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		13.880.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(33.487.789.854)	(33.266.782.407)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		328.010.753.714	248.025.576.464
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(17.927.879.101)	(27.278.089.901)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	469.383.637
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(735.000.000.000)	(330.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		530.000.000.000	120.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		34.061.598.341	14.449.821.981
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(188.866.280.760)	(222.358.884.283)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		309.640.509.491	195.246.239.957
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(335.104.167.513)	(138.387.498.742)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(196.980.240.000)	(74.419.762.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(222.443.898.022)	(17.561.020.985)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm 2023

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(83.299.425.068)	8.105.671.196
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		190.336.792.912	182.216.895.390
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		12.200.355	14.226.326
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.I.	107.049.568.199	190.336.792.912

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Người lập biểu



Trần Ngọc Lan Anh

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thu Hằng

Tổng Giám đốc



Lê Thanh Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 248/QĐ-HCVN ngày 28/07/2013 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần từ ngày 02/01/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty hiện nay hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 10 ngày 14/10/2019 và thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 16/05/2019.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0301446260 thay đổi lần thứ 10 ngày 14/10/2019 thì Vốn điều lệ của Công ty là **442.000.000.000 VND** (Bốn trăm bốn mươi hai tỷ đồng).

Trong đó vốn Nhà nước là 287.310.000.000 VND, chiếm 65,00 %.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là CSV.

Trụ sở Công ty tại: 22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 01, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm hóa chất và kinh doanh hóa chất.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất hóa chất cơ bản.

Chi tiết: sản xuất sản phẩm ngành hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh, không sản xuất hóa chất tại TP. Hồ Chí Minh).

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu.

Chi tiết: Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp; bán buôn hóa chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm.

- Khai khoáng khác chưa được phân vào đầu.

Chi tiết: Khai thác và chế biến khoáng sản bauxite (không hoạt động tại trụ sở).

- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đầu.

Chi tiết: Sản xuất hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, sản xuất hóa chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở).

- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu.

Chi tiết: Chế biến các sản phẩm muối dùng trong thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở).

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng: vận tải hàng hóa bằng ô tô bồn chở chất lỏng; vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng chở hóa chất (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).

- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ.

(không hoạt động tại TP. Hồ Chí Minh)

- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá.

Chi tiết: sản xuất, tập trung và phân phối hơi nước và nước nóng để đốt nóng, cung cấp năng lượng và các mục đích khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Thông tin chi tiết về công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 như sau:

Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loóng, Thị trấn Tăng Loóng, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai.

- Hoạt động chính: Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phốt pho vàng.

- Tỷ lệ vốn góp tại ngày 31/12/2023: 65,05%

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 65,05%

- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 65,05%

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

7. Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại 31/12/2023: 665 người (tại 31/12/2022: 657 người).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31/12/2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Công ty phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

2. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất là tỷ giá công bố của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm/kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

7. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

8. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ

9.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
- Nhà cửa vật kiến trúc	04 - 25
- Máy móc thiết bị	03 - 12
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	03 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

9.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất không xác định thời hạn, phần mềm máy vi tính.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

11. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm tiền thuê đất và phí sử dụng hạ tầng KCN Nhơn Trạch, chi phí bảo hiểm, chi phí phần mềm, chi phí sửa chữa, công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm, chi phí phần mềm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời gian sử dụng (không quá 12 tháng).

Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất và phí sử dụng hạ tầng khu đất thuê tại khu công nghiệp Nhơn Trạch được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất (trong khoảng 37 năm).

12. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, giấy xác nhận huy động vốn, các kế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

Công ty đã đánh giá lại số dư các khoản vay có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm chi phí tiền thuê lại đất tại KCN Biên Hòa 1 truy thu từ năm 2006 đến cuối năm 2013, chi phí vận chuyển, chi phí điện, chi phí lãi vay phải trả, và các chi phí khác, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh đo áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố đo sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán thành phẩm, hàng hoá là sản phẩm hóa chất; doanh thu dịch vụ gia công axit photphoric, doanh thu cung cấp dịch vụ khác; và doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty bao gồm lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	982.397.077	364.528.642
Tiền gửi ngân hàng	66.067.171.122	55.972.264.270
Tiền gửi VND	55.985.905.619	46.808.374.442
Tiền gửi ngoại tệ (USD và EUR)	10.081.265.503	9.163.889.828
Các khoản tương đương tiền	40.000.000.000	134.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN TP.HCM	-	25.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM	-	25.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Lào Cai	25.000.000.000	52.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Lào Cai	10.000.000.000	24.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Lào Cai	5.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	107.049.568.199	190.336.792.912

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại trong nước với lãi suất từ 2,60%/năm đến 3,20%/năm.

2. Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	540.000.000.000	540.000.000.000	335.000.000.000	335.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN TP.HCM	310.000.000.000	310.000.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Gia Định	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM	175.000.000.000	175.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Thành Đô	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	-	65.000.000.000	65.000.000.000
Cộng	540.000.000.000	540.000.000.000	335.000.000.000	335.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng đến dưới 12 tháng bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại trong nước với lãi suất từ 4,40%/năm đến 7,50%/năm.

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Ý Cường	50.212.116.000	-	66.595.134.969	-
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	30.405.053.160	-	38.718.687.420	-
Công ty Ajinomoto Việt Nam	18.165.405.520	-	13.109.056.660	-
CN Công ty TNHH Toyota Tsusho VN tại HCM	19.512.151.186	-	-	-
Công ty CP Quốc tế Lavita	-	-	21.935.764.691	-
Các đối tượng khác	103.718.362.485	(2.855.699.094)	135.564.112.405	(3.651.913.296)
Cộng	222.013.088.351	(2.855.699.094)	275.922.756.145	(3.651.913.296)

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan:

Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Howden Việt Nam	2.859.621.840	-
Trung tâm công nghệ môi trường (ENTEC)	444.213.600	588.000.000
Công ty TNHH Kỹ thuật Gas Phúc Sang Minh	-	1.151.888.000
Công ty TNHH MTV Công nghiệp hóa chất mở Nam Bộ - Micco	-	593.522.021
Các đối tượng khác	1.069.417.816	2.347.035.140
Cộng	4.373.253.256	4.680.445.161

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

5. Phải thu khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	12.598.831.024	-	10.872.500.845	-
Tạm ứng	26.244.922	-	31.246.602	-
Ký cược, ký quỹ	28.006.484	-	44.813.818	-
Lãi tiền gửi dự thu	91.670.456	-	19.500.000	-
Phải thu khác	10.446.602.738	-	8.562.849.315	-
	2.006.306.424	-	2.214.091.110	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	526.000.000	-	1.204.561.439	-
	526.000.000	-	1.204.561.439	-
Cộng	13.124.831.024	-	12.077.062.284	-

6. Nợ xấu

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

Phải thu khách hàng

Công ty CP Sorbitol Pháp-Việt (*)	80.524.880	80.524.880
Công ty CP Tập đoàn Thép Nguyễn Minh (*)	183.708.800	779.336.640
Công ty CP Quốc tế JBÍ Chem Cà Mau (*)	187.420.000	187.420.000
Công ty TNHH Phương Duy	-	239.655.900
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Khang Nghi (*)	158.815.700	158.815.700
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và sản xuất Casanova (*)	180.000.000	180.000.000
DNTN Tân Trường An (*)	612.162.100	612.162.100
Công ty TNHH Phúc An Yên Bình	-	1.077.385.950

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
Số dư ngày 01/01/2023	183.671.015.136	854.649.456.816	37.642.207.811	12.636.588.231	1.088.599.267.994
Mua trong năm	-	58.300.000	-	177.052.000	235.352.000
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	15.257.649.773	-	481.681.818	15.739.331.591
Tặng khác	385.485.059	-	-	-	385.485.059
Điều chỉnh theo Biên bản của Kiểm toán Nhà nước:	-	602.857.317	-	-	602.857.317
Số dư ngày 31/12/2023	184.056.500.195	870.568.263.906	37.642.207.811	13.295.322.049	1.105.562.293.961
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2023	175.615.453.676	752.261.047.732	31.801.485.125	8.130.921.934	967.808.908.467
Khiếu hao trong năm	2.076.752.965	55.314.977.420	1.956.635.080	1.528.140.601	60.876.506.066
Điều chỉnh theo Biên bản của Kiểm toán Nhà nước:	-	191.089.400	-	-	191.089.400
Số dư ngày 31/12/2023	177.692.206.641	807.767.114.552	33.758.120.205	9.659.062.535	1.028.876.503.933
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2023	8.055.561.460	102.388.409.084	5.840.722.686	4.505.666.297	120.790.359.527
Tại ngày 31/12/2023	6.364.293.554	62.801.149.354	3.884.087.606	3.636.259.514	76.685.790.028

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 925.854.675.241 VND (tại ngày 31/12/2023: 795.607.429.826 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Công ty TNHH Găng tay Nhất Á Châu (*)	33.480.000	-	-	-
Citichem India Limited (**)	1.495.194.624	-	1.453.592.448	436.077.734
Công ty CP Xi măng Hữu Nghị (***)	80.632.000	-	80.632.000	-
Cộng	3.011.938.104		4.849.525.618	

(*) Tại ngày 31/12/2023, không có thông tin để xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu khách hàng này.

(**) Giá trị có thể thu hồi của nợ xấu = Giá gốc - (trừ) dự phòng nợ phải thu khó đòi.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	265.592.435.408	-	281.186.064.676	(6.731.691.864)
Công cụ, dụng cụ	7.384.815.288	-	7.079.174.343	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.882.202.257	-	10.152.834.791	-
Thành phẩm	89.838.491.865	(3.172.722.822)	90.244.194.602	(3.371.341.033)
Hàng hoá	-	-	3.123.863.923	-
Cộng	368.697.944.818	(3.172.722.822)	391.786.132.335	(10.103.032.897)

8. Tài sản dở dang dài hạn

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.328.950.681	405.942.390
- Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch	405.942.390	405.942.390
- Chi phí sửa chữa nhà văn phòng tại Công ty CP Phốt Pho Việt Nam	923.008.291	-
Sửa chữa lớn tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa	41.844.843	-
Cộng	1.370.795.524	405.942.390

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2023	1.755.971.381	4.637.588.875	6.393.560.256
Mua trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2023	1.755.971.381	4.637.588.875	6.393.560.256
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2023	-	4.291.278.024	4.291.278.024
Khấu hao trong năm	-	346.310.851	346.310.851
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2023	-	4.637.588.875	4.637.588.875
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2023	1.755.971.381	346.310.851	2.102.282.232
Tại ngày 31/12/2023	1.755.971.381	-	1.755.971.381

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.637.588.875 VND (tại ngày 31/12/2022: 2.874.388.875 VND).

11. Chi phí trả trước

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2023	01/01/2023
a) Ngắn hạn	1.867.745.657	3.098.099.801
Chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	866.350.989	92.135.492
Chi phí bảo hiểm	651.992.249	700.611.680
Phí sử dụng phần mềm	166.024.000	248.696.667
Chi phí sửa chữa	-	1.766.952.848
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	183.378.419	289.703.114
b) Dài hạn	325.130.280.256	337.178.476.174
Chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	303.289.718	695.014.014
Chi phí sửa chữa	2.060.855.383	3.433.989.167
Tiền thuê đất và phí sử dụng cơ sở hạ tầng tại KCN Nhơn Trạch	322.734.109.229	333.006.812.969
Chi phí trả trước dài hạn khác	32.025.926	42.660.024
Cộng	326.998.025.913	340.276.575.975

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

12. Phải trả người bán

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Heartchem Corporation	12.302.640.000	12.302.640.000	-	-
Công ty TNHH TM DV Dầu khí Petro Pro	2.926.712.640	2.926.712.640	-	-
Công ty TNHH Bảo Ngọc Phúc	1.756.800.045	1.756.800.045	-	-
Hợp tác xã vận tải số 9	1.241.318.120	1.241.318.120	711.066.168	711.066.168
Điện lực Cam Đường	2.645.891.741	2.645.891.741	540.331.042	540.331.042
Các đối tượng khác	11.414.566.444	11.414.566.444	21.848.155.926	21.848.155.926
Cộng	32.287.928.990	32.287.928.990	23.099.553.136	23.099.553.136

b) Phải trả người bán là các bên liên quan:

Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023
a) Phải nộp				
Thuế GTGT phải nộp	4.483.601.488	48.094.583.511	50.153.513.113	2.424.671.886
Thuế xuất nhập khẩu	-	4.571.026.319	4.571.026.319	-
Thuế TNDN (*)	10.294.254.791	65.717.855.366	38.512.344.344	37.499.765.813
Thuế TNCN	2.753.339.987	11.790.144.652	12.253.908.936	2.289.575.703
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (**)	-	19.941.294.955	6.220.614.757	13.720.680.198
Các loại thuế khác	-	163.399.318	75.090.270	88.309.048
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	49.721.973	715.132.257	715.132.256	49.721.974
Cộng	17.580.918.239	150.993.436.378	112.501.629.995	56.072.724.622
b) Phải thu				
Thuế GTGT	-	-	957.768.921	957.768.921
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.293.547.394	8.359.900.459	8.398.450.598	1.332.097.533
Thuế xuất nhập khẩu	182.086.400	22.717.526.891	22.881.415.883	345.975.392
Thuế TNCN	13.444.999	-	245.507.218	258.952.217
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	469.891.200	469.891.200	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	VND	Số có khả năng trả nợ	VND	Tăng	VND	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn						
<i>Vay ngắn hạn</i>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM (1)	-	-	133.631.416.346		50.843.277.914	82.788.138.432
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM (2)	67.257.958.170	67.257.958.170	42.911.688.112		102.555.646.282	7.614.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (3)	28.300.871.071	28.300.871.071	73.328.602.059		91.115.539.426	10.513.933.704
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Lào Cai	-	-	36.739.699.674		36.739.699.674	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Lào Cai	29.325.249.240	29.325.249.240	23.026.968.868		52.352.218.108	-
Vay đối tượng khác	1.495.651.677	1.495.651.677	2.134.432		1.497.786.109	-
Cộng	126.379.730.158	126.379.730.158	309.640.509.491		335.104.167.513	100.916.072.136

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/93332/HĐTD ngày 05/06/2023.

Hạn mức cấp tín dụng: 150.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng).

Mục đích: bổ sung vốn lưu động; bảo lãnh, mở L/C.

Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này nhưng tối đa đến hết ngày 15/06/2024.

Thời hạn cho vay/thời hạn bảo lãnh/thời hạn L/C, lãi suất, phí được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể; Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành.

Tại sản phẩm bảo ("TSDB"). Thực hiện việc thế chấp TSDB theo đúng chính sách cấp tín dụng của Ngân hàng từng thời kỳ. Hiện nay là cấp tín dụng không có TSDB.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	450.000.000	450.000.000
Cộng	1.958.969.993	31.547.318.550	32.933.142.620	3.344.794.063

(*) Trong đó, số thuế TNDN năm 2021 và năm 2022 phải nộp bổ sung là 223.596.213 VND; số thuế TNDN năm 2022 bị truy thu theo thông báo số 34/TB-KTNN ngày 05/01/2024 của Kiểm toán Nhà nước với giá trị là 3.187.270.688 VND. Công ty đã nộp đầy đủ vào ngày 26/06/2023, ngày 16/01/2024 và ngày 31/01/2024.

(**) Thuế nhà đất, tiền thuế đất phải nộp trong năm bao gồm tiền thuế đất phải nộp theo thông báo số 6850/TB-CCTKV ngày 12/12/2023 của Chi cục thuế khu vực Báo Lộc - Báo Lâm với giá trị là 13.720.680.199 VND. Ngày 05/01/2024, Công ty đã nộp 6.900.000.000 VND.

(***) Các loại thuế khác phải nộp trong năm bao gồm thuế nhà thầu bị truy thu theo thông báo số 34/TB-KTNN ngày 05/01/2024 của Kiểm toán Nhà nước với giá trị là 88.309.048 VND. Công ty đã nộp đầy đủ vào ngày 16/01/2024.

Các khoản thuế phải thu, phải nộp ngân sách Nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải thu, phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

14. Chi phí phải trả

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí lãi vay	67.932.080	131.099.267
Trích trước chi phí vận chuyển	2.057.472.434	1.588.795.252
Trích trước chi phí điện	6.410.520.412	4.664.161.668
Trích trước chi phí thuê kho, thuê văn phòng	682.909.092	-
Trích trước tiền thuê lại đất tại KCN Biên Hòa 1 truy thu từ năm 2006 đến cuối năm 2013	3.242.970.660	4.864.455.990
Trích trước chi phí khác	775.329.116	764.036.380
Cộng	13.237.133.794	12.012.548.557

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

18. Vốn chủ sở hữu

18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Dân vi tính: VND
Số dư tại ngày 01/01/2022	442.000.000.000	9.506.484	22.951.530.000	(25.413.193.278)	468.418.745.410	11.949.121.722	205.113.482.220	34.681.408.542	1.159.710.661.100
Lãi(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-	-	354.438.553.738	53.475.471.860	407.914.025.598
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	96.449.573.128	-	(115.294.154.222)	(1.223.313.532)	(20.067.914.626)
Chia số tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(110.500.000.000)	(8.139.562.200)	(118.639.562.200)
Số dư tại ngày 31/12/2022	442.000.000.000	9.506.484	22.951.530.000	(25.413.193.278)	564.868.318.538	11.949.121.722	333.757.881.736	78.794.044.670	1.428.917.209.872
Lãi(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-	-	209.138.519.943	21.480.725.640	230.619.245.583
Trích lập quỹ từ lợi nhuận năm 2022 (quỹ đầu tư phát triển)	-	-	-	-	-	-	(81.020.052.298)	-	-
Trích lập quỹ từ lợi nhuận năm 2022 (quỹ thường hạn điều hành)	-	-	-	-	-	-	(513.750.000)	-	(513.750.000)
Trích lập quỹ từ lợi nhuận năm 2022 (quỹ khen thưởng, phúc lợi)	-	-	-	-	-	-	(11.006.684.099)	-	(11.006.684.099)
Trích số tức từ lợi nhuận năm 2022 (quỹ khen thưởng, phúc lợi)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tạm trích số tức từ lợi nhuận năm 2023 của Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh thuế TNDN năm 2021 và năm 2022 phải nộp	-	-	-	-	-	-	(223.596.213)	(42.283.440.000)	(42.283.440.000)
Điều chỉnh theo thông báo số 34/TT-KTNN ngày 05/01/2024 của Kiểm toán Nhà nước	-	-	-	-	-	-	3.048.163.052	-	3.048.163.052
Số dư tại ngày 31/12/2023	442.000.000.000	9.506.484	22.951.530.000	(25.413.193.278)	645.888.370.836	11.949.121.722	292.365.755.644	46.476.008.589	1.436.227.099.997

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- (2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN TP. HCM theo hợp đồng tín dụng số 23.4783329/2023-HĐCVHM/NHCT900-HCCBMN ngày 30/06/2023.
- Hạn mức cho vay: 100.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng).
 - Thời hạn duy trì hạn mức: kể từ ngày 30/06/2023 đến hết ngày 29/06/2024.
 - Mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hóa chất.
 - Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng.
 - Lãi suất cho vay: là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất.
 - Biện pháp đảm bảo: cấp tín dụng không có đảm bảo bằng tài sản.
- (3) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số SHBVN/BC/062019/HDTD/HCCBMN ngày 26/11/2019 và theo phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số SHBVN/BC/062019/HDTD/HCCBMN/Annex06 ngày 26/04/2023 và theo thỏa thuận số 07 ngày 14/12/2023 về việc gia hạn - sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số SHBVN/BC/062019/HDTD/HCCBMN ngày 26/11/2019.
- Hạn mức cho vay: 70.000.000.000 VND (Bằng chữ: Bảy mươi tỷ đồng).
 - Mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động.
 - Thời hạn duy trì hạn mức: được gia hạn một năm cho đến hết ngày 26/11/2024.
 - Thời hạn cho vay đối với mỗi khoản vay: không vượt quá 06 tháng kể từ ngày hết thời hạn duy trì hạn mức tín dụng.
 - Lãi suất: áp dụng lãi suất cố định trong suốt thời hạn cho vay theo lãi suất quy định trên Đơn rút vốn vay kèm kê ước nhận nợ của từng khoản vay.
 - Tài sản đảm bảo: cấp tín dụng không có đảm bảo bằng tài sản.

16. Phải trả khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	367.375.992	564.675.952
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	362.557.381	357.230.211
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	140.317.000	155.048.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.366.590.000	44.277.960.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.358.279.961	2.604.217.668
Cộng	7.595.120.334	47.959.131.831

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	64.290.131.423	43.904.339.341
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	12.858.026.285	8.780.867.868

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	287.310.000.000	287.310.000.000
Các cổ đông khác	154.690.000.000	154.690.000.000
Cộng	442.000.000.000	442.000.000.000

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	442.000.000.000	442.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	442.000.000.000	442.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	154.700.000.000	66.300.000.000

18.4 Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	44.200.000	44.200.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	44.200.000	44.200.000
Cổ phiếu phổ thông	44.200.000	44.200.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	44.200.000	44.200.000
Cổ phiếu phổ thông	44.200.000	44.200.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

18.5 Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2023	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2023
Quỹ đầu tư phát triển (*)	564.868.318.538	81.020.052.298	-	645.888.370.836
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.949.121.722	-	-	11.949.121.722
Cộng	576.817.440.260	81.020.052.298	-	657.837.492.558

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

(*) Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập bằng 30% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022, căn cứ theo Công văn số 479/HCVN-TCKT ngày 07/04/2023 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về Báo cáo tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty CP Hóa chất Cơ bản Miền Nam và Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**a) Ngoại tệ các loại:**

	31/12/2023	01/01/2023
USD (tiền gửi ngân hàng)	418.667,89	389.238,51
EUR (tiền gửi ngân hàng)	1.087,33	2.126,90

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Phúc An Yên Bình	1.077.385.950	-

Trong năm 2023, Công ty đã xử lý số dư nợ phải thu với Công ty TNHH Phúc An Yên Bình với giá trị 1.077.385.950 VND theo Nghị quyết số 267/NQ-HDQT ngày 08/03/2023 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt phương án tài chính xử lý khoản nợ phải thu khó đòi đối với Công ty TNHH Phúc An Yên Bình, Quyết định số 290/QĐ-HCCB ngày 14/03/2023 về việc thành lập Hội đồng xử lý nợ của Công ty CP Hoá chất Cơ bản Miền Nam và Biên bản xử lý nợ khó đòi ngày 15/03/2023.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**I. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	1.526.617.518.802	2.004.368.282.356
Doanh thu bán hàng hóa	54.056.969.165	76.844.981.610
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.009.816.000	6.764.083.646
Doanh thu khác	1.757.156.152	16.308.209.925
Cộng	1.588.441.460.119	2.104.285.557.537

b) Doanh thu đối với các bên liên quan:
Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.138.828.159.427	1.348.056.647.456
Giá vốn của hàng hóa đã bán	36.894.309.475	68.240.779.929
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	3.205.683.301
Giá vốn khác	394.651.442	14.474.999.465
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.172.722.822	10.103.032.897
Cộng	1.179.289.843.166	1.444.081.143.048

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi	35.945.351.764	18.066.931.574
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.388.187.366	3.400.504.438
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	160.501.147	656.698
Cộng	40.494.040.277	21.468.092.710

4. Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	4.248.347.288	2.927.188.592
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	554.418.657	4.253.843.002
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	27.261.546	863.110.625
Cộng	4.830.027.491	8.044.142.219

5. Thu nhập khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập từ thanh lý phế liệu, vật tư	-	25.895.000
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	111.168.553	131.484.376
Hoàn nhập dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường	4.088.824.236	-
Tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng, bảo hành	77.214.000	-
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	469.383.637
Thu nhập khác	3.140.033	12.288.813
Cộng	4.280.346.822	639.051.826

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

6. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	82.664.123.071	84.802.258.584
Chi phí nhân viên	4.219.372.991	5.473.183.925
Chi phí vật liệu, bao bì, dụng cụ đồ dùng	3.386.936.435	2.432.227.040
Chi phí khấu hao TSCĐ	554.273.711	560.054.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	71.667.681.806	70.940.852.768
Chi phí bằng tiền khác	2.835.858.128	5.395.940.151
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	77.417.859.086	78.619.006.358
Chi phí nhân viên quản lý	28.163.742.763	30.100.692.547
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.322.017.030	1.155.309.377
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.375.495.260	1.499.261.294
Thuế, phí và lệ phí	8.598.022.974	7.537.312.444
Chi phí dự phòng	477.679.910	248.972.742
Hoàn nhập dự phòng	(196.508.162)	(5.369.986.702)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.970.348.686	28.371.395.833
Chi phí bằng tiền khác	15.707.060.625	15.076.048.823
Cộng	160.081.982.157	163.421.264.942

7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	592.626.310.414	763.365.770.546
Chi phí nhân công	174.911.987.185	192.146.568.204
Chi phí khấu hao tài sản cố định	61.222.816.917	63.419.319.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	368.039.762.420	403.222.567.080
Chi phí bằng tiền khác	109.177.180.250	120.456.148.929
Cộng	1.305.978.057.186	1.542.610.373.771

8. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	62.306.988.465	106.735.424.048
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	62.306.988.465	106.735.424.048

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

9. Lãi/ (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	209.138.519.943	354.438.553.738
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(25.000.000.000)	(39.114.480.378)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	(25.000.000.000)	(39.114.480.378)
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(25.000.000.000)	(39.114.480.378)
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	184.138.519.943	315.324.073.360
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	44.200.000	44.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.166	7.134

(**)

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2022 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 tại Công ty mẹ và quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận kế toán của cổ đông Công ty mẹ tại Công ty con.

Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2023 là số liệu tạm trích theo tờ trình Tổng Giám đốc ngày 29/12/2023 tại Công ty mẹ.

(**) Trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 Công ty đã tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi nhưng số liệu công bố chính thức tại kỳ họp thường niên khác với số đã tạm trích công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 nên Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu theo số liệu trích thực tế. Cụ thể như sau:

	Năm 2022		Năm 2022	
	Số trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	354.438.553.738	-	354.438.553.738	354.438.553.738
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(27.594.047.677)	(11.520.432.701)	(39.114.480.378)	(39.114.480.378)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	(27.594.047.677)	(11.520.432.701)	(39.114.480.378)	(39.114.480.378)
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(27.594.047.677)	(11.520.432.701)	(39.114.480.378)	(39.114.480.378)
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	-	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	326.844.506.061	(11.520.432.701)	315.324.073.360	315.324.073.360
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	44.200.000	-	44.200.000	44.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.395	-	7.134	7.134

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

VII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a) Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty CP Bột giặt LIX	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Công nghiệp Cao su Miền Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Phân bón Miền Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Pin - Ac quy Miền Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Hơi kỹ nghệ Que hàn	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP DAP - Vinachem	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Bột giặt NET	Tập đoàn nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ
Công ty TNHH Nhựa và hóa chất TPC Vina	Tập đoàn nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ

b) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bán hàng		
Công ty CP Bột giặt LIX	30.818.726.000	41.891.277.000
Công ty CP Pin - Ac quy Miền Nam	5.400.434.500	12.174.430.000
Công ty CP Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	4.668.582.000	6.429.378.000
Công ty CP Hơi kỹ nghệ Que hàn	27.000.000	18.500.000
Công ty CP Công nghiệp Cao su Miền Nam	-	736.000
Công ty CP Bột giặt NET	54.747.686.600	52.610.231.000
Công ty TNHH Nhựa và hóa chất TPC Vina	1.647.603.000	1.796.031.500
Công ty CP DAP - Vinachem	1.120.706.600	-
Mua hàng		
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1.613.809.092	1.613.809.091
Công ty CP Hơi kỹ nghệ Que hàn	87.128.950	90.714.850
Công ty CP Bột giặt LIX	286.540.120	297.726.975

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

d) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp theo)

Chi tiết từng thành viên như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Lương		Thưởng		Thù lao		Lợi ích khác		Tổng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị										
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Chủ tịch (bỏ nhiệm ngày 28/04/2022) Nguyễn Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 28/04/2022)	-	175.000.000	60.000.000	408.000.000	118.500.000	701.500.000	219.500.000		
Ông Lê Hoàng	Thành viên	-	10.000.000	-	96.000.000	10.000.000	20.000.000			
Ông Lê Phương Đông	Thành viên	-	35.000.000	-	96.000.000	34.500.000	165.500.000			
Bà Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	-	35.000.000	-	96.000.000	34.500.000	165.500.000			
Ông Vũ Minh Ngọc	Thành viên	-	35.000.000	-	96.000.000	34.500.000	165.500.000			
Thu nhập của các thành viên Ban quản lý, điều hành										
Ông Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	2.515.525.739	235.000.000	60.000.000	96.000.000	1.487.973.759	4.334.499.498			
Ông Đỗ Trung Hiền	Phó Tổng giám đốc	594.097.222	45.000.000	45.000.000	96.000.000	362.501.173	1.112.598.395			
Ông Vũ Đình Thủy	Phó Tổng giám đốc	490.887.079	45.000.000	45.000.000	-	285.894.226	821.781.305			
Ông Lê Tăng Lâm	Phó Tổng giám đốc	490.775.329	45.000.000	45.000.000	-	282.467.054	818.242.383			
Bà Phạm Thị Thu Hằng	Phó Tổng giám đốc Kế toán trưởng	500.909.914	45.000.000	45.000.000	-	281.566.165	827.476.079			
		438.856.195	40.000.000	40.000.000	-	275.545.141	754.401.336			
Thu nhập của các thành viên Ban kiểm soát										
Bà Đỗ Thị Thoa	Trưởng ban	440.231.955	85.000.000	35.000.000	144.000.000	398.357.178	1.067.589.133			
Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên	440.231.955	35.000.000	25.000.000	72.000.000	253.857.178	729.089.133			
Bà Nguyễn Thị Minh Hà	Thành viên	-	25.000.000	25.000.000	72.000.000	111.000.000	208.000.000			
Cộng		2.955.757.694	495.000.000	648.000.000	2.004.830.937	6.103.588.631				

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Phân phối lợi nhuận (chia cổ tức)		
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	71.827.500.000	71.827.500.000
Trà cổ tức		
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	100.558.500.000	43.096.500.000
Mượn hàng		
Công ty CP Phân bón Miền Nam	1.734.881.250	-
Cho mượn hàng		
Công ty CP Phân bón Miền Nam	3.103.076.507	-
c) Số dư với các bên liên quan:	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty CP Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	810.185.760	629.095.680
Công ty CP Bột giặt LIX	1.530.950.760	2.793.152.160
Công ty CP Pin - Ac quy Miền Nam	937.293.120	242.857.440
Công ty CP Bột giặt NET	4.157.088.480	6.317.948.160
Công ty TNHH Nhựa và hóa chất TPC Vina	141.256.440	138.790.480
Công ty CP DAP - Vinachem	55.980.288	-
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty CP Hơi kỹ nghệ Que hàn	5.851.440	-
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	682.909.092	-
Phải trả ngắn hạn khác		
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	-	28.731.000.000
d) Thu nhập và các khoản vay của các thành viên quản lý chủ chốt		
Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị	701.500.000	912.281.545
Thu nhập của Ban quản lý, điều hành	4.334.499.498	4.700.573.320
Thu nhập của Ban kiểm soát	1.067.589.133	1.129.058.314
Cộng	6.103.588.631	6.741.913.179
Chi tiết từng thành viên như sau:		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

d) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp theo)

Năm 2022	Họ và tên	Chức vụ	Lương VND	Thưởng VND	Thù lao VND	Lợi ích khác VND	Cộng VND
	Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị						
	Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 28/04/2022)	-	186.000.000	408.000.000	318.281.545	912.281.545
	Ông Lê Hoàng	Nguyễn Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 28/04/2022)	-	60.000.000	40.000.000	36.800.000	116.800.000
	Ông Lê Văn Hùng	Nguyễn Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 27/04/2021)	-	25.000.000	-	67.000.000	167.000.000
	Ông Lê Phương Đăng	Thành viên	-	35.000.000	96.000.000	6.000.000	137.000.000
	Bà Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	-	35.000.000	96.000.000	78.000.000	209.000.000
	Ông Võ Minh Ngọc	Thành viên	-	31.000.000	96.000.000	66.000.000	193.000.000
	Thu nhập của các thành viên Ban quản lý, điều hành						
	Ông Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	2.810.587.141	212.000.000	96.000.000	1.581.986.179	4.700.573.320
	Ông Đỗ Trung Hiếu	Phó Tổng giám đốc	687.464.119	55.000.000	96.000.000	414.642.672	1.253.106.791
	Ông Võ Đình Thủy	Phó Tổng giám đốc	541.930.438	40.000.000	-	313.925.258	895.855.696
	Ông Lê Tùng Lâm	Phó Tổng giám đốc	541.883.609	40.000.000	-	296.976.716	878.860.325
	Bà Phạm Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng	554.723.609	37.000.000	-	303.116.259	894.839.868
			484.585.366	40.000.000	-	253.325.274	777.910.640
	Thu nhập của các thành viên Ban Kiểm soát						
	Bà Đỗ Thị Thoa	Trưởng ban	473.074.609	70.000.000	144.000.000	441.983.705	1.129.058.314
	Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên	473.074.609	25.000.000	-	265.983.705	764.058.314
	Bà Nguyễn Thị Minh Hà	Thành viên	-	20.000.000	72.000.000	106.000.000	198.000.000
			-	25.000.000	72.000.000	70.000.000	167.000.000
	Cộng		3.283.661.750	468.000.000	648.000.000	2.342.251.429	6.741.913.179

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. Báo cáo bộ phận

a) Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất công nghiệp (cụ thể là sản xuất hóa chất). Các thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 là liên quan đến hoạt động sản xuất chính của Công ty.

b) Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam.

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Công nợ tài chính

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Các khoản vay	100.916.072.136	126.379.730.158
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	107.049.568.199	190.336.792.912
Nợ thuần	(6.133.496.063)	(63.957.062.754)
Vốn chủ sở hữu	1.436.227.099.997	1.428.917.209.872
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	0,00%	0,00%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	107.049.568.199	190.336.792.912
Phải thu khách hàng và phải thu khác	232.282.220.281	284.347.905.133
Các khoản đầu tư tài chính	540.000.000.000	335.000.000.000
Cộng	879.331.788.480	809.684.698.045

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***Công nợ tài chính**

Các khoản vay	100.916.072.136	126.379.730.158
Phải trả người bán và phải trả khác	39.883.049.324	71.058.684.967
Chi phí phải trả	13.237.133.794	12.012.548.557
Cộng	154.036.255.254	209.450.963.682

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công cụ nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	12.392.957.000	29.325.249.240	10.052.313.235	59.563.928.717
Euro (EUR)	-	-	28.752.268	52.562.079

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)**Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	31/12/2023	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Cộng
		VND	VND	
Phải trả người bán và phải trả khác	39.883.049.324	-	-	39.883.049.324
Chi phí phải trả	13.237.133.794	-	-	13.237.133.794
Các khoản vay	100.916.072.136	-	-	100.916.072.136
		Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Cộng
	01/01/2023	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	71.058.684.967	-	-	71.058.684.967
Chi phí phải trả	12.012.548.557	-	-	12.012.548.557
Các khoản vay	126.379.730.158	-	-	126.379.730.158

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

31/12/2023	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	107.049.568.199	-	107.049.568.199
Phải thu khách hàng và phải thu khác	231.756.220.281	526.000.000	232.282.220.281
Các khoản đầu tư tài chính	540.000.000.000	-	540.000.000.000

01/01/2023	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	190.336.792.912	-	190.336.792.912
Phải thu khách hàng và phải thu khác	283.143.343.694	1.204.561.439	284.347.905.133
Các khoản đầu tư tài chính	335.000.000.000	-	335.000.000.000

5. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Ngọc Lan Anh

Phạm Thị Thu Hằng

Lê Thanh Bình



TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ THANH BÌNH

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam



Số 22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh



www.sochemvn.com



(028) 3829 6620 - 3822 5373



(028) 3824 3166